

# PHẬT THUYẾT A XÀ THỂ VƯƠNG NỮ A THUẬT ĐẠT BỒ TÁT KINH

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 337*

**Hán dịch: Trúc Pháp hộ**

**Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến**

**Biên dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (04-2007)**



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 337 佛說阿闍貴王女阿術達菩薩經  
# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 337 Phật thuyết a xà thể Vương nữ A thuật đạt Bồ  
Tát Kinh

# CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release  
Date: 2004/11/14

---

*Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính  
Vol 12 No. 337 [No. 310(32)]*

佛說阿闍貴王女阿術達菩薩經  
Phật thuyết a xà thể Vương nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh  
Phật Thuyết A-xà-thể Vương Nữ A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh.

西晉月氏國三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị quốc Tam Tạng trúc Pháp hộ dịch  
Đời Tây Tấn, nước Nguyệt Thị, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

聞如是。一時佛在羅閱祇耆闍崛山中

văn như thị 。 nhất thời Phật tại la duyệt kì Kì đồ Quạt sơn trung 。

Tôi nghe như vậy, một thuở đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quạt thuộc nước La-duyệt-

kỳ,

與摩訶比丘僧五百人。菩薩八千。一一尊復尊。

dữ Ma-Ha bì khâu tăng ngũ bách nhân 。 Bồ Tát bát thiên. nhất nhất tôn phục tôn 。

cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo Tăng, tám ngàn vị Bồ-tát là những bậc cao quý,

悉得陀憐尼法。在所聞知。

tất đắc đà liên ni Pháp 。 tại sở văn tri 。

tất cả đều đắc pháp Đà-la-ni, chỗ hiểu biết

如大海無所罣礙。悉得五句深入微妙漚和拘舍羅。

như Đại hải vô sở quái ngại. tất đắc ngũ tuần thâm nhập vi diệu ầu hòa câu xá la

rộng như biển lớn không có chướng ngại, trong năm tuần đều thâm nhập phương tiện

thắng trí vi diệu,

總持空法藏門。不捨志意行無色想。

tổng trì không Pháp tạng môn 。 bất xả chí ý hạnh vô sắc tưởng 。

pháp môn tổng trì, không bỏ ý chí mà thực hạnh vô sắc tưởng,

從法行無所歸依。亦不造行。說經法無所著。

tòng Pháp hạnh vô sở quy y 。 diệc bất tạo hạnh. thuyết Kinh Pháp vô sở trú 。

từ nơi pháp hạnh không chỗ nương dựa, cũng không tạo tác, thuyết kinh pháp không

chỗ đắm trước,

為一切故自觀本法。以得忍凡行十事。

vi nhất thiết cố tự quán bản Pháp 。 dĩ đắc nhẫn phàm hạnh thập sự 。

vì tất cả pháp nên tự quán sát pháp căn bản, do đắc pháp nhẫn nên thực hạnh mười

việc.

是時有菩薩名須彌山。

thị thời hữu Bồ Tát danh Tu-Di sơn 。

Bấy giờ có Bồ-tát tên là Tu-di sơn,

復有菩薩名大須彌山。復有菩薩名須彌山頂。復有菩薩名師子。

phục hữu Bồ Tát danh Đại-Tu-Di sơn 。 phục hữu Bồ Tát danh Tu-Di sơn đỉnh 。

phục hữu Bồ Tát danh Sư-tử 。

Lại có Bồ-tát tên là Đại Tu-di sơn, lại có Bồ-tát tên là Tu-di sơn đánh, lại có Bồ-tát tên là Su từ,

復有菩薩名和呵未。復有菩薩名常舉手。

phục hữu Bồ Tát danh hòa ha vị 。 phục hữu Bồ Tát danh thường cử thủ 。

lại có Bồ-tát tên là Hòa ha vị, lại có Bồ-tát tên là Thường cử thủ,

復有菩薩名常下手。復有菩薩名常精進行。

phục hữu Bồ Tát danh thường hạ thủ。 phục hữu Bồ Tát danh thường tinh tiến hạnh。

lại có Bồ-tát tên là Thường hạ thủ, lại có Bồ-tát tên là Thường tinh tấn hạnh,

復有菩薩名常歡喜。

phục hữu Bồ Tát danh thường hoan hỷ 。

lại có Bồ-tát tên là Thường hoan hỷ,

復有菩薩名常憂念一切人。復有菩薩名珍寶念。

Phục hữu Bồ Tát danh thường ưu niệm nhất thiết nhân。 phục hữu Bồ Tát danh trân bảo niệm 。

lại có Bồ-tát tên là Thường ưu niệm nhất thiết nhân, lại có Bồ-tát tên là Trân bảo niệm,

復有菩薩名珍寶手。復有菩薩名寶印手。復有菩薩名執御。

phục hữu Bồ Tát danh trân bảo thủ 。

phục hữu Bồ Tát danh bảo ấn thủ 。

phục hữu Bồ Tát danh chấp ngự 。

lại có Bồ-tát tên là Trân bảo thủ, lại có Bồ-tát tên là Bảo ấn thủ, lại có Bồ-tát tên là Chấp ngự,

復有菩薩名大御。復有菩薩名常持至誠。

phục hữu Bồ Tát danh Đại ngự 。

phục hữu Bồ Tát danh thường trì chí thành 。

lại có Bồ-tát tên là Đại ngự, lại có Bồ-tát tên là Thường trì chí thành,

復有菩薩名彌勒。如是等十七人。

phục hữu Bồ Tát danh Di Lạc 。

như thị đẳng thập thất nhân 。

lại có Bồ-tát tên là Di-lặc, như vậy tất cả là mười bảy vị。

毘陀和等八人。皆如毘陀和類。

bạt đà hòa đẳng bát nhân 。

giai như bạt đà hòa loại 。

Lại có tám vị đều như Bồ-tát Bạt-đà-hòa,

毘陀和菩薩。寶滿菩薩。福日兜菩薩。

bạt đà hòa Bồ Tát 。

bảo mãn Bồ Tát 。

phúc nhật đầu Bồ Tát 。

đó là Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Bảo mãn, Bồ-tát Phước nhật đầu,

因提達菩薩。和倫調菩薩。常念菩薩。

nhân đề đạt Bồ Tát 。

hòa luân điều Bồ Tát 。

thường niệm Bồ Tát 。

Bồ-tát Nhân đề đạt, Bồ-tát Hòa luân điều, Bồ-tát Thường niệm,

念益於世間菩薩。增益世間功德菩薩。如是等八人。

niệm ích u thế gian Bồ Tát 。

tăng ích thế gian công đức Bồ Tát 。

như thị đẳng bát nhân 。

Bồ-tát Niệm ích u-thế gian, Bồ-tát Tăng ích thế gian công đức, như vậy có tám vị cả thấy。

爾時佛與八千菩薩俱。在羅閱祇去城不遠。

nhĩ thời Phật dữ bát thiên Bồ Tát câu 。

tại la duyệt kì khứ thành bất viễn 。

Bấy giờ Phật cùng tám vạn Bồ-tát vân tập gần thành La-duyệt-kỳ,

為國王大臣。所敬偶所遵奉所稱譽。

vi Quốc Vương Đại Thần 。

sở kính ngẫu sở tuân phụng sở xưng dự 。

được các vua quan cung kính, phụng sự, khen ngợi,

視若如父婆羅門迦羅越所尊重。

thị nhược như phụ Bà-la-môn ca la việt sở tôn trọng 。

như tộc họ Bà-la-môn tôn trọng cha mình。

爾時佛於無央數大眾中說經法。所說上語亦善。中語亦善。

nhĩ thời Phật u vô ương số Đại chúng trung thuyết Kinh Pháp . sở thuyết thượng ngữ diệc thiện . trung ngữ diệc thiện .

Bấy giờ đức Phật ở nơi Vô-ương-số đại chúng mà thuyết kinh pháp, chỗ thuyết chặng đầu cũng thiện, chặng giữa cũng thiện,

下語亦善。所說莫不開發。上中下皆曉了。

Hạ ngữ diệc thiện. sở thuyết mạc bất khai phát. thượng trung hạ giai hiểu liễu . chặng sau cũng thiện, chỗ thuyết giảng đều rõ ràng khiến ai cũng nghe hiểu  
悉具足無沾汚。

tất cụ túc vô triêm 汚。

được đầy đủ không có ô nhiễm,

精進無量於時舍利弗摩訶目捷連。摩訶迦葉。須菩提。邠耨。羅云。蠡越。

tinh tấn vô lượng u thời Xá lợi Phất Ma-Ha mục kiên liên. Ma-ha Ca-diếp. Tu Bồ đề. bân nậu . la vân . lễ việt .

phát tâm tinh tấn vô lượng. Bấy giờ có ngài Xá-lợi-phất, Ma-ha-mục-kiên-liên, Ma-ha Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Bân-Nậu, La-hầu-la, Lễ-việt

安波央。憂波離。阿難。

an ba du . ưu ba ly . A Nan .

An-ba-du, Ưu-ba-ly, A-nan

如是復異方不可計是輩。大比丘僧不可計。平旦正衣服持鉢。

như thị phục dị phương bất khả kế thị bối . Đại bi khâu tăng bất khả kế . bình đán chánh y phục trì bát .

cùng với các đại Tỳ-kheo Tăng ở phương khác không thể tính đếm, tất cả đều đắp y cầm bát nghiêm trang,

入羅閱大城分衛。

nhập la duyệt Đại thành phân vệ .

rời từ từ đi vào thành La-duyet-kỳ.

是尊比丘詣城中順街里行分衛。次至王阿闍貴宮。

thị tôn bi khâu nghệ thành trung thuận nhai lý hạnh phân vệ. thú chí Vương a xà thế cung .

Các vị tôn giả này xếp hàng đi vào thành theo ngã tư rồi dẫn đến cung vua A-xà-thế,

宮人官屬俱一處默然從乞勾。是時王阿闍貴有女。

cung nhân quan chúc câu nhất xử mặc nhiên tòng khát cái . thị thời Vương a xà thế hữu nữ .

đi qua các nơi họ đều im lặng mà khát thực. Bấy giờ vua A-xà-thế có người con gái

名阿術達 (漢言無愁憂)。年十二端正好潔。光色第一於前世。

danh A thuật đạt (hán ngôn vô sầu ưu ) . niên thập nhị đoan chánh hảo khiết quang sắc đệ nhất u tiên thế .

tên là A-thuật-đạt (tiếng Hán là Vô Sầu Ưu), mới mười hai tuổi mà có dung mạo đoan trang, sắc mặt sáng ngời hơn tất cả mọi người.

佛所作功德有神猛之行。供養無央數佛。

Phật sở tác công đức hữu Thần mãnh chi hạnh . cung dưỡng vô ương số Phật .

Đời quá khứ đã ở nơi Phật làm các công đức, có hạnh đồng mãnh, đã cúng dường vô số Phật ,

於阿耨多羅三耶三菩心。

u a nậu đa-la tam da tam bồ tâm .

không thối chuyển tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

不轉於父王正殿金床上坐。安無愁憂見此尊比丘。

bất chuyển ư phụ Vương chánh điện kim sàng thượng tọa . an vô sầu ưu kiến thù tôn bi khâu .

A-thuật-đạt ngồi trên giường vàng nơi chánh điện của vua Cha, nhìn thấy các vị Tỳ-kheo này,

不轉於父王正殿。今來於坐不起不迎不為作禮。

bất chuyển ư phụ Vương chánh điện . kim lai ư tọa bất khởi bất nghênh bất vi tác lễ .

nhưng không rời khỏi chánh điện, cũng không đứng dậy, không đón tiếp, không làm lễ họ,

亦不請令坐。亦不與分衛具。諸尊比丘。

diệc bất thỉnh lệnh tọa . diệc bất dữ phân vệ cụ . chu tôn bi khâu .

cũng không mời ngồi. Các vị Tỳ-kheo tôn túc,

亦默然觀此女。是王阿闍見兒女無愁憂。

diệc mặc nhiên quán thù nữ . thị Vương a xà thể kiến nữ vô sầu ưu .

cũng im lặng quán sát người nữ này. Vua A-xà-thế thấy con gái Vô Sầu Ưu

不恭敬禮是尊比丘。王顧謂女。汝不知耶。

bất cung kính lễ thị tôn bi khâu . Vương cố vị nữ . nữ bất tri da .

không cung kính đánh lễ các Tỳ-kheo tôn túc, Vua nhìn con gái nói rằng: Con không biết chăng?

是怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛尊比丘。

thị đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật tôn bi khâu .

Các vị này là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri,

以得阿羅漢無所復畏。所作事勝。以棄重擔。

dĩ đắc A La Hán vô sở phục úy . sở tác sự thắng . dĩ khí trọng đưam .

đã đắc quả A-la-hán nên không có sợ hãi, việc làm thù thắng, đã bỏ gánh nặng xuống,

生死以斷深入微妙。其供養是者福不可量。

sinh tử dĩ đoạn thâm nhập vi diệu . kỳ cung dưỡng thị giả phúc bất khả lượng .

đoạn sạch sinh tử, thâm nhập pháp vi diệu, ai cúng dường các vị ấy thì phước đức không thể lường.

為師為父慈念興福施於一切。汝見何故。

vi sư vi phụ từ niệm hưng phúc thí ư nhất thiết . nữ kiến hà cố .

Các vị ấy là bậc thầy, là cha lành, luôn thương xót và ban phước cho chúng sanh.

Tại sao con thấy họ

於坐不起默而視之。汝有何異利不禮此上尊女無愁憂白言。

ư tọa bất khởi mặc nhi thị chi . nữ hữu hà dị lợi bất lễ thù thượng tôn nữ vô sầu ưu bạch ngôn .

mà vẫn ngồi không đứng dậy, chỉ im lặng ngắm nhìn, con có lợi ích gì khác mà không đánh lễ các vị tôn túc này. Vô Sầu Ưu thưa:

王曾見師子。

Wương tăng kiến Sư-tử .

Phụ vương từng thấy con sư tử

當為小小禽獸作禮迎逆坐不。王答女言。不見。女復白。

đương vi tiểu tiểu cầm thú tác lễ nghênh nghịch tọa bất . Vương đáp nữ ngôn . bất kiến . nữ phục bạch .

làm lễ nghinh đón mời ngồi các loài thú nhỏ chưa? Vua đáp: Không thấy. Vô Sầu Ưu nói:

王曾聞遮迦越王當為小國王。起迎逆作禮共坐不。

Wương tăng văn giả ca viết Vương đương vi tiểu Quốc Vương . khởi nghênh nghịch tác lễ cộng tọa bất .

Phụ vương từng nghe vua Già-ca-việt làm lễ nghinh đón mời ngồi các vua nước nhỏ chưa?

釋提桓因寧為諸天。起迎逆作禮不。

thích đề hoàn nhân ninh vi chư Thiên . khởi nghênh nghịch tác lễ bất .

Từng nghe vua Đế-thích đứng dậy làm lễ nghinh đón các chư thiên chưa?

梵三鉢寧禮諸梵不。答言不見。女復白。

phạm tam bát ninh lễ chư phạm bất . đáp ngôn bất kiến . nữ phục bạch .

Từng thấy Phạm-tam-bát làm lễ các vị nhỏ hơn chưa? Vua đáp: Không thấy. Vô Sầu Ưu nói:

王曾見大海神為小小陂池溝渠泉流作禮不。

Vương từng kiến Đại hải Thần vi tiểu tiểu pha trì câu cừ tuyền lưu tác lễ bất .

Phụ vương từng thấy thần Biển lớn làm lễ các thần Ao, Hồ, Sông, Suối chưa?

須彌山寧為眾小山作禮不。日月之光明與螢火之明等不。

Tu-Di sơn ninh vi chúng tiểu sơn tác lễ bất . nhật nguyệt chi quang-minh dữ

huỳnh hỏa chi minh đẳng bất .

Từng thấy núi Tu-di làm lễ các núi nhỏ chưa? Từng thấy ánh sáng đom đóm ngang bằng ánh sáng mặt trời mặt trăng chưa?

女復言。如是大王發意。

nữ phục ngôn . như thị Đại Vương phát ý .

Vô Sầu Ưu lại nói: Như vậy Đại vương, người phát tâm

求阿耨多羅三耶三菩提。欲度一切。被僧那僧涅之大鎧。

cầu a nậu đa-la tam da tam bồ tâm . dục độ nhất thiết . bị tăng na tăng niết chi Đại khải .

câu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, muốn độ tất cả chúng sanh, mặt áo giáp bốn thế nguyện lớn,

持大悲大哀。如師子吼。云何當為恐畏。

trì Đại bi Đại ai . như Su-tử hồng . vân hà đương vi khủng úy .

cất tiếng Đại Từ Đại Bi như sư tử hồng, tại sao lại sợ hãi?

比丘而無大悲大慈大哀。離師子吼中。云何當禮信歡喜。

bì khâu nhi vô Đại bi Đại từ Đại ai . ly Su-tử hồng trung . vân hà đương lễ tín hoan hỷ .

Các Tỳ-kheo không có đại từ đại bi, không có tiếng rống sư tử, tại sao lại đánh lễ tín thọ hoan hỷ.?

王曾見大法王轉經論教一切。

Vương từng kiến Đại Pháp Vương chuyển Kinh luận giáo nhất thiết .

Phụ vương từng thấy bậc Đại-pháp-vương đem kinh luận giáo hoá tất cả

令發阿耨多羅三耶三菩提。

lệnh phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm .

khiến phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

當為是比丘少智者恭敬作禮不。女白王。

đương vi thị bì khâu thiếu trí giả cung kính tác lễ bất . nữ bạch Vương .

lại cung kính làm lễ các Tỳ-kheo trí nhỏ này chưa?

如大海水不可量不可度不可見邊際。大智若此。猶復受泉流如牛跡中水。

như Đại hải thủy bất khả lượng bất khả độ bất khả kiến biên tế . Đại trí nhược thử . do phục thọ tuyền lưu như ngưu tích trung thủy .

Như nước trong biển lớn không thể so lường, không thể thấy bờ mé, trí tuệ lớn cũng như vậy. Cũng như uống nước suối, uống nước nơi đầu chân trâu,

自謂以滿足。寧可方之於大海。

tự vị dĩ mãn túc . ninh khả phương chi u Đại hải .

tự cho rằng đã đầy đủ, đâu cần đến nơi biển lớn.

是畏生死比丘。志在滅度。發阿耨多羅三藐三菩提。

thị úy sanh tử bi khâu . chí tại diệt độ . phát a nậu đa-la tam miểu tam bồ tâm.  
Tỳ-kheo này vì nhằm chán sanh tử, chỉ cầu diệt độ mà phát tâm Vô Thượng Chánh  
Đẳng Chánh Giác,

寧當迎逆作禮不。王曾見大智。如須彌山最尊高。

ninh đương nghênh nghịch tác lễ bất . Vương tăng kiến Đại trí . như Tu-Di sơn  
tối tôn cao .

đâu cần nghinh đón làm lễ? Vua từng thấy trí tuệ lớn như núi Tu-di cao ngất,  
怛薩阿竭法為尊雄。

đát tát a kiết Pháp vi tôn hùng .

pháp là pháp của Như Lai được tất cả tôn sùng,

豈況智如芥子比丘迎逆作禮不。王寧見日月光。

khởi huông trí như giới tử bi khâu nghênh nghịch tác lễ bất . Vương ninh kiến  
nhật nguyệt quang .

lại đi nghinh đón làm lễ Tỳ-kheo trí nhỏ như hạt cải sao? Vua từng thấy ánh sáng  
mặt trời mặt trăng

其明所照不可計量。怛薩阿竭法光明智慧功德名聞。

kỳ minh sở chiếu bất khả kế lượng . đát tát a kiết Pháp quang-minh trí tuệ công  
đức Danh-Văn .

chiếu khắp nơi không thể tính đến, Như Lai có ánh sáng trí tuệ công đức Danh-văn  
過是千億萬倍。寧比螢火之明白照其身。

quá thị thiên ức vạn bội . ninh bi huỳnh hóa chi minh tự chiếu kỳ thân .

hơn đây gấp ngàn vạn ức lần. So với ánh sáng đom đóm tự chiếu nơi thân

不及一切人。志小比丘自度其身。大智之法明於三界。

bất cập nhất thiết nhân . chí tiểu bi khâu tự độ kỳ thân . Đại trí chi Pháp minh  
ư tam giới .

không chiếu đến người khác, cũng như Tỳ-kheo trí nhỏ tự độ thân mình, pháp của  
bậc đại trí chiếu sáng khắp ba cõi

寧迎逆作禮。女白王。佛般泥洹後。

ninh nghênh nghịch tác lễ . nữ bạch Vương . Phật bát nê hoàn hậu .

sao lại nghinh đón làm lễ Tỳ-kheo trí nhỏ. Vô Sầu Ưu lại thưa: sau khi Phật  
Niết-bàn,

尚不為是輩比丘作禮。何況佛今現在而為法則。

thượng bất vi thị bối bi khâu tác lễ . hà huông Phật kim hiện tại nhi vi Pháp  
tắc .

còn không làm lễ các hạng Tỳ-kheo này, huông là nay Phật còn tại thế mà làm phép  
tắc.

所以者何。禮彼比丘為習此法。

sở dĩ giả hà . lễ bi bi khâu vi tập thử Pháp .

Tại vì sao? Đánh lễ các Tỳ-kheo ấy làm gì là huân tập pháp này,

其親近三耶三佛法。得三耶三善行。王告女無愁憂。

kỳ thân cận tam da tam Phật Pháp . đắc tam da tam bồ hạnh . Vương cáo nữ vô sầu  
ưu .

là gần gũi pháp của Như Lai, được hạnh Bồ-đề. Phật bảo Vô Sầu Ưu:

汝有觚突之心。見是大比丘。

nhữ hữu đề đột chi tâm . kiến thị Đại bi khâu .

Sao con có tâm đờn đột, thấy các đại Tỳ-kheo này

不恭敬迎逆以坐席為賓主。而廣引眾喻不念設飯食。

bất cung kính nghênh nghịch dĩ tọa tịch vi tân chủ . nhi quảng dẫn chúng dụ bất  
niệm thiết phạn thực .

mà không cung kính nghinh đón đem tòa mời ngồi, lại rộng dẫn các ví dụ, không chịu sắp bày thức ăn cúng dường.

汝何志求。女白王。大王寧有觚突之心耶。

nhữ hà chí cầu . nữ bạch Vương . Đại Vương ninh hữu để đột chi tâm da .

Con có ý thế nào. Vô Sầu Ưu thưa: Đại vương há không có tâm đường đột sao?

女謂王言。

nữ vị Vương ngôn .

Lại thưa vua rằng:

王何故見國中羸劣下賤乞者不為作禮。王答女言不。爾此非吾類。

Vương hà cố kiến quốc trung luy liệt hạ tiện khát cái giả bất vi tác lễ . Vương đáp nữ ngôn bất . nhĩ thử phi ngô loại .

Tại sao đại vương thấy người thấp hèn trong nước hay kẻ bần cùng xin ăn lại không làm lễ họ? Vua đáp: Hạng này chẳng ngang hàng với ta.

女答王亦如是。王發意菩薩聲聞辟支佛非其類。王告女。

nữ đáp Vương diệc như thị . Vương phát ý Bồ Tát thanh văn Bích chi Phật phi kỳ loại . Vương cáo nữ .

Vô Sầu Ưu đáp: Bậc pháp vương cũng như vậy, chỗ phát tâm chẳng ngang hàng với Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-Phật. Vua hỏi:

吾聞行菩薩法。悉棄強梁瞋恚之心。

ngô văn hạnh Bồ Tát Pháp . tất khí cường lương sân khuê chi tâm .

Ta nghe người thực hạnh hạnh Bồ-tát đều xả bỏ tâm mong cầu sân hận,

以調順軟弱為一切人下屈。汝豈無軟弱之心。

dĩ điều thuận nhuỷễn nhược vi nhất thiết nhân hạ khuất . nhữ khởi vô nhuỷễn nhược chi tâm .

dùng tâm mềm mỏng để điều phục tất cả chúng sanh, há người không có tâm mềm mỏng sao?

女白王言。世間人愚癡。常懷毒惡之心故。

nữ bạch Vương ngôn . thế gian nhân ngu si . thường hoài độc ác chi tâm cố .

Vô Sầu Ưu thưa: Người trên thế gian ngu si thường ôm tâm ác độc.

菩薩摩訶薩以慈悲。護彼人欲除眾毒故。

Bồ Tát Ma-Ha tát dĩ từ bi . hộ bi nhân dục trừ chúng độc cố .

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng tâm từ bi ủng hộ người kia khiến trừ các ác độc.

此大比丘諸垢以除。是輩比丘。見善無所增。

thử Đại bi khâu chư cấu dĩ trừ . thị bồi bi khâu . kiến thiện vô sở tăng .

Các vị đại Tỳ-kheo này đã trừ hết cấu uế, hạng Tỳ-kheo này thấy điều thiện cũng không có chỗ tăng,

見惡亦不減。女白王。當來十方佛。

kiến ác diệc bất giảm . nữ bạch Vương . đương lai thập phương Phật .

thấy điều ác cũng không có chỗ giảm. Đại vương! Mười phương chư Phật trong ở đời sau

設為是比丘等。說深妙之法。不能復增精進。

thiết vi thị bi khâu đẳng . thuyết thâm diệu chi Pháp . bất năng phục tăng tinh tấn .

sẽ vì các Tỳ-kheo này mà thuyết Pháp vi diệu thâm sâu, mà họ không thể tăng thêm tinh tấn.

所以者何。用閉塞生死道故。譬以瓶盛滿水置露地。

sở dĩ giả hà . dụng bế tắc sanh tử đạo cố . thí dĩ bình thịnh mãn thủy trí lộ địa .

Tại vì sao? Bởi họ đã đóng kín đường sanh tử. Thí như bình đựng đầy nước để nơi đất trống.

天雨瓶中一滯不受。滯亦不得入。所以者何。



Thiên vũ bình trung nhất đế bất thọ . đế diệc bất đắc nhập . sở dĩ giả hà .  
Trời mưa xuống thì bình không nhận dù một giọt nước, giọt nước cũng không thể  
rơi vào. Tại vì sao?

其瓶以滿故。女白王。是比丘等如是。

kỳ 瓶 dĩ mãn cố . nữ bạch Vương . thị bi khâu đẳng như thị .

Vì bình đã đầy nước vậy. Đại vương! Các Tỳ-kheo này cũng như vậy,

若十方佛為現神足。變化說經法。

nhược thập phương Phật vi hiện Thần túc. biến hoá thuyết Kinh Pháp .

nếu mười phương Phật vì họ mà hiện thần túc, biến hóa các thứ mà thuyết kinh  
pháp,

不能逮及如來三昧。於功德無所增益。女白王。

bất năng逮 cập Như Lai tam-muội . ư công đức vô sở tăng ích . nữ bạch Vương .

thì họ không thể đến quả Như Lai tam-muội, đối với công đức cũng không tăng  
thêm. Đại vương!

譬如大海萬水四流皆歸于海。所以者何。

thí như Đại hải vạn thủy tứ lưu giai quy vu hải . sở dĩ giả hà .

Thí như biển lớn nước muôn sông đều đổ về. Tại vì sao?

其海廣長所受不可計量。如是大王。

kỳ hải quảng trường sở thọ bất khả kế lượng . như thị Đại Vương .

Biển ấy rộng lớn chỗ chứa không thể so lường. Như vậy Đại vương!

菩薩摩訶薩說經法。當作是見多所饒益。發摩訶衍心。

Bồ Tát Ma-Ha tát thuyết Kinh Pháp . đương tác thị kiến đa sở nhiều ích . phát  
Ma-Ha diễn tâm .

Bồ Tát Ma-Ha-Tát thuyết kinh pháp, chỗ thấy nghe có nhiều lợi ích, phát tâm đại  
thừa,

多所容受。所以者何。菩薩摩訶薩器所受。

đa sở dung thọ . sở dĩ giả hà . Bồ Tát Ma-Ha tát khí sở thọ .

Có nhiều chỗ lãnh thọ. Tại vì sao? Chỗ thọ nhận của Bồ-tát Ma-ha-tát

不可計不可數不可量。是時女無愁憂。

bất khả kế bất khả sở bất khả lượng . thị thời nữ vô sầu ưu .

là không thể đếm, không thể so lường. Bây giờ Vô Sầu Ưu

為王阿闍貴說偈言。

vi Vương a xà thế thuyết kệ ngôn .

nói với vua A-xà-thế bằng bài kệ rằng:

無愁憂以名得

Vô sầu ưu dĩ danh đắc

Người nữ có tên Vô Sầu Ưu

有五百比丘來

Hữu ngũ bách bi khâu lai

Có năm trăm Tỳ-kheo đến cung

應時為王所呵

ứng thời vi Vương sở ha

Bây giờ vua cha liền quở trách

我不知是福地

Ngã bất tri thị phúc địa

Ta không biết đó là phúc địa

言

Vô ưu sầu tụng kệ ngôn

Vô Sầu Ưu bèn tụng bài kệ

見比丘不為起

Kiến bi khâu bất vi khởi

Thấy Tỳ-kheo mà không đứng dậy

為王阿闍貴女

Vi Vương a xà thế nữ

Là con gái vua A-xà-thế

我不為起作禮

Ngã bất vi khởi tác lễ

Sầu-ưu không đứng dậy làm lễ

不恭敬比丘僧

Bất cung kính bi khâu tăng

Vì không cung kính Tỳ-kheo tăng

佛子離彼中迹

Phật-Tử ly bi trung tích

Phật tử xa rời dấu vết đó 無憂愁誦偈

聽我說至誠言

Thính ngã thuyết chí thành ngôn

Đề bày tỏ lời nói chí thành

意不生欲作禮

Ý bất sanh dục tác lễ

Ý không khởi là muốn làm lễ

人欲乘船入海  
Nhân dục thừa thuyền nhập hải  
Như người theo thuyền vào biển lớn  
百分中取一分  
Bách phân trung thủ nhất phân  
Trong trăm phần lại lấy một phần  
若有人從王乞  
Nhược hữu nhân tòng Vương khất  
Nếu có người đến vua xin ăn  
乞匄者求一錢  
Khất cái giả cầu nhất tiền  
Người ăn xin cầu xin một tiền  
智慧者令王喜  
Trí tuệ giả lệnh Vương hỉ  
Người trí tuệ khiến vua hoan hỷ  
願施貧使安隱  
Nguyện thí bần sử an ổn  
Rồi đem bố thí cho người nghèo  
譬如人求賤寶  
Thí như nhân cầu tiện bảo  
Như người xin vật báu rẻ tiền  
聲聞法亦如是  
Thanh văn Pháp diệc như thị  
Pháp Thanh văn cũng là như vậy  
譬如人財為富  
Thí như nhân tài vi phú  
Thí như người giàu nhiều tiền của  
願供養於法王  
Nguyện cung dưỡng ư Pháp Vương  
Nguyện cúng dường nơi đấng Pháp-vương  
譬如醫自治身  
Thí như y tự trì thân  
Như thầy thuốc tự chữa cho mình  
若有醫多治人  
Nhược hữu y đa trì nhân  
Nếu như trị bệnh được nhiều người  
發意者智慧師  
Phát ý giả trí tuệ sư  
Người phát tâm có ít trí tuệ  
為點人所不敬  
Vi hiệt nhân sở bất kính  
Người hiểu biết thì không kính trọng  
若點師知藥名  
Nhược hiệt sư tri dược danh  
Như lương y biết rõ tên thuốc  
為天下人所敬  
Vi Thiên hạ nhân sở kính  
Được mọi người luôn luôn kính mến  
譬如樹無葉果  
Thí như thụ vô diệp quả  
Thí như cây không có hoa trái  
阿羅漢如是樹  
A La Hán như thị thụ  
Quả A-la-hán cũng như cây

取一錢破百分  
Thủ nhất tiền phá bách phân  
Lấy một tiền phá thành trăm phần  
入法海還為取  
Nhập Pháp hải hoàn vi thủ  
Vào biển pháp cũng lấy chút ít  
若飛行遮迦越  
Nhược phi hạnh già ca việt  
Đi đến nơi vua Già-ca-việt  
為不足從王乞  
Vi bất túc tòng Vương khất  
Cho là không đủ theo vua xin  
從王乞千億寶  
Tòng Vương khất thiên ức bảo  
Theo vua xin ngàn ức vật báu  
如是人為曉了  
Như thị nhân vi hiểu liễu  
Người như vậy chính là hiểu rõ  
如是人為不點  
Như thị nhân vi bất hiệt  
Người như vậy là không hiểu rõ  
入海寶自取少  
Nhập hải bảo tự thủ thiểu  
Vào biển báu tự lấy chút ít  
菩薩點為珍寶  
Bồ Tát hiệt vi trân bảo  
Gặp Bồ-tát cho là châu báu  
自致佛度人民  
Tự trí Phật độ nhân dân  
Đền quả Phật độ thoát nhiều người  
不能愈一切人  
Bất năng dĩ nhất thiết nhân  
Không chữa lành tất cả mọi người  
是乃為名醫師  
Thị nãi vi danh y sư  
Thì gọi tên đó là danh y  
自脫身棄餘人  
Tự thoát thân khí dư nhân  
Tự giải thoát mình không cứu  
譬醫能自治身  
Thí y năng tự trì thân  
Như thầy thuốc chỉ trị bệnh mình  
便能治巨億人  
Tiện năng trì cự ức nhân  
Có thể trị bệnh cho nhiều người  
發意菩薩如是  
Phát ý Bồ Tát như thị  
Bồ-tát phát tâm cũng như vậy  
無益於世間人  
Vô ích ư thế gian nhân  
Đối với mọi người là vô ích  
為無益於世間  
Vi vô ích ư thế gian  
Vô ích đối với người thế gian

譬如樹栴檀香  
Thí như thụ chiên đàn hương  
Thí như cây tên Chiên-đàn hương  
菩薩法亦如是  
Bồ Tát Pháp diệc như thị  
Pháp Bồ-tát cũng như cây ấy  
不可以牛迹水  
Bất khả dĩ ngưu tích thủy  
Nhu ít nước nơi dấu chân trâu  
恒水淨無數人  
Hằng thủy tịnh vô số nhân  
Nước sông Hằng làm sạch bao người  
聲聞法牛迹水  
Thanh văn Pháp ngưu tích thủy  
Pháp Thanh văn nước chân trâu  
菩薩法如恒水  
Bồ Tát Pháp như hằng thủy  
Pháp Bồ-tát như nước sông Hằng  
譬如時雨珍寶  
Thí như thời vũ trân bảo  
Thí như trời mưa rơi châu báu  
若有點益取多  
Nhuộc hữu hiệt ích thù đa  
Nếu hiểu biết thì sẽ lấy nhiều  
佛者譬雨珍寶  
Phật giả thí vũ trân bảo  
Đức Phật thí như trời mưa báu  
菩薩採飽滿人  
Bồ Tát thái bão mãn nhân  
Bồ-tát hay khiến người đầy đủ  
如有人近須彌  
Nhu hữu nhân cận Tu-Di  
Nhu người đứng gần núi Tu-di  
若其餘土石山  
Nhuộc kỳ dư độ thạch sơn  
Nếu người đứng ở trên núi đá  
菩薩法須彌山  
Bồ Tát Pháp Tu-Di sơn  
Pháp Bồ-tát như núi Tu-di  
得離生死苦惱  
Đắc ly sanh tử khổ não  
Được xa lìa sanh tử khổ não  
暴露在草不多  
Bạo lộ tại thảo bất đa  
Nhu sương nằm trên cỏ không nhiều  
大雨水潤澤多  
Đại vũ thủy nhuận trạch đa  
Nhu mưa lớn thấm ướt cỏ cây  
聲聞法暴露草  
Thanh văn Pháp bạo lộ thảo  
Pháp Thanh văn như sương trên cỏ  
大千中諸來者  
Đại thiên trung chư lai giả  
Tất cả vật trong cõi đại thiên

有益於一切人  
Hữu ích ư nhất thiết nhân  
Có ích với tất cả mọi người  
以經法開甘露  
Dĩ Kinh Pháp khai cam lộ  
Dùng kinh pháp khai mở cam lồ  
澡洗人除垢熱  
Táo tẩy nhân trừ cấu nhiệt  
Không rửa sạch dơ bẩn cho người  
恒水流滿大海  
Hằng thủy lưu mãn Đại hải  
Rồi nước sông chảy vào biển lớn  
不能除世間熱  
Bất năng trừ thế gian nhiệt  
Không thể trừ nóng bức cho người  
能飽滿大千刹  
Năng bão mãn Đại Thiên sát  
Làm no đủ các cả đại thiên cõi  
愚於寶取一錢  
Ngu ư bảo thủ nhất tiền  
Người ngu chỉ lấy một đồng tiền  
能使貧至大富  
Năng sử bần chí Đại phú  
Khiến bần cùng trở thành giàu sang  
聲聞法取一錢  
Thanh văn Pháp thủ nhất tiền  
Pháp Thanh văn chỉ lấy một tiền  
菩薩施廣如此  
Bồ Tát thí quảng như thử  
Bồ thí rộng khắp được như vậy  
皆隨山作金色  
Giới tùy sơn tác kim sắc  
Vì gần núi nên thân sắc vàng  
不能以色變形  
Bất năng dĩ sắc biến hình  
Sắc trên thân không thể biến đổi  
菩薩恩生天上  
Bồ Tát ân sanh Thiên thượng  
Thọ ân Bồ-tát sanh cõi trời  
聲聞不能度人  
Thanh văn bất năng độ nhân  
Pháp Thanh văn không thể độ người  
露不能熟五穀  
Lộ bất năng thực ngũ cốc  
Sương không thể làm chín ngũ cốc  
從潤澤得豐熟  
Tòng nhuận trạch đắc phong thực  
Nhờ thấm ướt ngũ cốc tươi tốt  
菩薩法如大雨  
Bồ Tát Pháp như Đại vũ  
Pháp Bồ-tát như trận mưa lớn  
法所雨潤一切  
Pháp sở vũ nhuận nhất thiết  
Nhờ mưa pháp thấm nhuận tất cả

迦隨華無有香  
Ca tùy hoa vô hữu hương  
Hoa Ca-tùy không có mùi thơm  
私夷華人樂取  
Tư di hoa nhân lạc thù  
Hoa Tư-di ai cũng ưa thích  
聲聞法迦隨華  
Thanh văn Pháp ca tùy hoa  
Pháp Thanh văn như hoa Ca-tùy  
菩薩法私夷華  
Bồ Tát Pháp tư di hoa  
Pháp Bồ-tát như hoa Tư-di  
如怯人行空澤  
Như khiếp nhân hạnh không trạch  
Như người yếu đi nơi đồng trống  
人中道為大難  
Nhân trung đạo vi Đại nan  
Trong cõi người đó là đại nạn  
聲聞法行空澤  
Thanh văn Pháp hạnh không trạch  
Pháp Thanh văn như đi đẫm trống  
度生死迷亂者  
Độ sanh tử mê loạn giả  
Độ người mê loạn thoát sanh tử  
縛筏浮度不多  
Phược phiệt phù độ bất đa  
Thuyền bè không thể chở nhiều người  
譬如人造大船  
Thí như nhân tạo Đại thuyền  
Nếu như người làm chiếc thuyền lớn  
聲聞法如縛筏  
Thanh văn Pháp như phược phiệt  
Pháp Thanh văn như thuyền bè nhỏ  
持七覺度一切  
Trì thất giác độ nhất thiết  
Đạo Thất-giác-chi độ mọi người  
若如被鎧乘驢  
Nhược như bị khải thừa lu  
Như người mặc áo giáp cưỡi lừa  
被鎧人乘馬象  
Bị khải nhân thừa mã tượng  
Mặc áo giáp mà cưỡi voi ngựa  
聲聞法如乘驢  
Thanh văn Pháp như thừa lu  
Pháp Thanh văn như người cưỡi lừa  
坐樹下降魔官  
Tọa thụ hạ hàng ma quan  
Ngồi gốc cây hàng phục ma quân  
虛空中滿星宿  
Hư không trung mãn tinh tú  
Trong hư không có nhiều vì sao  
月獨出為大明  
Nguyệt độc xuất vi Đại minh  
Mặt trăng lên soi sáng khắp nơi

為世人所不取  
vi thế nhân sở bất thủ  
Người thế gian không ai muốn lấy  
優曇鉢及蓮華  
ưu đàm bát cập liên hoa  
Cùng hoa sen, hoa Ưu-đàm-bát  
聞香聞不遠  
nghe hương nghe không xa  
Thanh văn hương văn bất viễn  
Mùi hương ấy không thể bay xa  
度一切至泥洹  
độ nhất thiết chí nê hoàn  
Độ mọi người đến quả Niết-bàn  
不足以為大難  
bất túc dĩ vi Đại nan  
Không cho đó là khó khăn lớn  
將一切度生死  
Tướng nhất thiết độ sanh tử  
Tất cả phải vượt qua sanh tử  
菩薩法人道中  
Bồ Tát Pháp nhân đạo trung  
Pháp Bồ-tát là ở cõi người  
導一切恐畏人  
Đạo nhất thiết khủng úy nhân  
Dẫn dắt tất cả người sợ hãi  
筏不能度往還  
Phiệt bất năng độ vãng hoàn  
Bè không thể chở người qua lại  
度無數得往還  
Độ vô số đắc vãng hoàn  
Chở vô số người đi qua lại  
菩薩法如大船  
Bồ Tát Pháp như Đại thuyền  
Pháp Bồ-tát như chiếc thuyền lớn  
脫愛欲過大海  
Thoát ái dục quá Đại hải  
Thoát ái dục vượt qua biển lớn  
不可入大眾中  
Bất khả nhập Đại chúng trung  
Không thể xông pha nơi trận chiến  
行鬪戰得勝怨  
Hạnh đấu chiến đắc thắng oán  
Cùng chiến đấu sẽ là đắc thắng  
菩薩法乘馬象  
Bồ Tát Pháp thừa mã tượng  
Pháp Bồ-tát như cưỡi voi ngựa  
救天上世間人  
Cứu Thiên thượng thế gian nhân  
Cứu muôn người cõi trời cõi người  
星宿眾夜不明  
Tinh tú chúng dạ bất minh  
Nhưng đêm đến không thể chiếu sáng  
男女見大歡喜  
Nam nữ kiến Đại hoan hỉ  
Mọi người thấy đều sanh vui mừng

聲聞法如星宿  
Thanh văn Pháp như tinh tú  
Pháp Thanh văn như các vì sao  
菩薩恩致安隱  
Bồ Tát ân trí an ổn  
Pháp Bồ-tát đưa đến an ổn  
夜之冥螢火明  
Đạ chi minh huỳnh hỏa minh  
Ánh sáng đom đóm soi đêm tối  
日出光為大明  
Nhật xuất quang vi Đại minh  
Mặt trời mọc chiếu sáng khắp nơi  
聲聞法如螢火  
Thanh văn Pháp như huỳnh hỏa  
Pháp Thanh văn như lửa đom đóm  
生死海行度人  
Sanh tử hải hạnh độ nhân  
Độ mọi người vượt qua sanh tử  
爾時王阿闍菴聞女無愁憂說是偈默然。

nhĩ thời Vương a xà thế văn nữ vô sầu ưu thuyết thị kệ mặc nhiên 。

Bấy giờ vua A-xà-thế nghe Vô Sầu Ưu nói bài kệ rồi thì im lặng

不識是何言。舍利弗心念。是語甚可怪。

bất thức thị hà ngôn 。

Xá lợi Phất tâm niệm 。

thị ngữ thậm k0hà quái 。

không hiểu lời nói gì.Trong tâm Xá-lợi-phất nghĩ rằng:Lời nói này thật là kỳ lạ  
所說無罣礙點慧乃爾。我欲試之知能歡喜而忍不。

sở thuyết vô quái ngại hiệt tuệ nãi nhĩ 。

ngã dục thí chi tri năng hoan hỷ nhi

nhãn bất 。

Chỗ nói ra không chướng ngại mà lại sáng suốt, ta muốn thử xem để biết Vô Sầu Ưu

có hoan hỷ nhãn nại không

舍利弗謂女無愁憂。卿於三乘志欲何求。

Xá lợi Phất vị nữ vô sầu ưu 。

khanh ư tam thừa chí dục hà cầu 。

Xá-lợi-phất nói với Vô Sầu Ưu rằng: Đối với tam thừa thì người muốn cầu pháp

nào?

女報言。乘大悲大慈於所求。舍利弗報言。

nữ báo ngôn 。

thừa Đại bi Đại từ ư sở cầu 。

Xá lợi Phất báo ngôn 。

Đáp: Chỗ cầu là pháp Đại từ Đại bi. Xá-lợi-phất hỏi:

欲求摩訶衍三跋致耶。女答言不。舍利弗復問。

dục cầu Ma-Ha diển tam bạt trí da 。

nữ đáp ngôn bất 。

Xá lợi Phất phục vấn 。

Muốn cầu Tam-bạt-trí của Đại thừa chăng? Đáp: Không phải. Xá-lợi-phất hỏi

女行欲何求乃作師子吼。女答舍利弗。

nữ hạnh dục hà cầu nãi tác Sư-tử hồng 。

nữ đáp Xá lợi Phất 。

Người muốn cầu gì mà thực hạnh hạnh Sư-tử hồng? Vô Sầu Ưu đáp:

於所求無所求。有所求則不為師子吼。

ư sở cầu vô sở cầu 。

hữu sở cầu tắc bất vi Sư-tử hồng 。

Đối với sự cầu không có chỗ cầu, có chỗ cầu thời không làm sư-tử hồng

無所住止能作師子吼。

vô sở trụ chỉ năng tác Sư-tử hồng 。

Không có chỗ trụ nên có thể làm hạnh Sư-tử-hồng.

卿舍利弗以法取證寧有聲聞辟支佛法摩訶衍法不。舍利弗答言。

khanh Xá lợi Phất dĩ Pháp thủ chứng ninh hữu thanh văn Bích chi Phật Pháp Ma-Ha

diển Pháp bất 。

菩薩法月獨明

Bồ Tát Pháp nguyệt độc minh

Pháp Bồ-tát như trăng soi sáng

皆令發薩云若

Giai lệnh phát tát vân nhược

Khiến phát tâm Nhất thiết chủng trí

人不以是為明

Nhân bất dĩ thị vi minh

Nhưng mọi người không thấy là sáng

有益於閻浮地

Hữu ích ư diêm phù địa

Có ích lớn với người thế gian

菩薩慧如日月

Bồ Tát duyên như nhật nguyệt

Pháp Bồ-tát như ánh mặt trời

悉現明一切人

Tất hiện minh nhất thiết nhân

Khiến tất cả người đều hiểu rõ.

Xá-lợi-phất, ông cho rằng pháp thù chúng có pháp Thanh văn, Bích-chi-Phật hay đại thừa không? Xá-lợi-phất đáp:

無諸法相一耳。空無所有。女問舍利弗。

vô chư Pháp tướng nhất nhĩ . không vô sở hữu . nữ vấn Xá lợi Phật .

Không có các pháp tướng, là trống không không có sở hữu. Vô Sầu Ưu hỏi:

諸法空作何行法而設三乘。舍利弗答女言。無所行。

chư Pháp không tác hà hạnh Pháp nhi thiết tam thừa. Xá lợi Phật đáp nữ ngôn. vô sở hạnh .

Các pháp trống không vậy thực hạnh pháp nào mà bày ra Ba thừa? Xá-lợi-phất đáp: Không có chỗ thực hạnh.

舍利弗復問女。有佛法無有佛法。有異無。

Xá lợi Phật phục vấn nữ . hữu Phật Pháp vô hữu Phật Pháp . hữu dị vô .

Xá-lợi-phất lại hỏi: Có Phật pháp và không có Phật pháp thì có gì khác không?

女答尊者舍利弗。近空及遠空有異無。

nữ đáp Tôn giả Xá lợi Phật . cận không cập viễn không hữu dị vô .

Vô Sầu Ưu nói: Tôn giả Xá-lợi-phất, gần hư không và xa hư không thì có gì khác nhau?

舍利弗答言。無異。女問舍利弗。

Xá lợi Phật đáp ngôn . vô dị . nữ vấn Xá lợi Phật .

Xá-lợi-phất đáp: Không khác. Vô Sầu Ưu hỏi:

譬內空外空有異無。答言無異。

thí nội không ngoại không hữu dị vô . đáp ngôn vô dị .

Bên trong hư không và bên ngoài hư không có gì khác nhau. Đáp rằng: Không khác  
如是舍利弗得佛法未得道法。適等無異。

như thị Xá lợi Phật đắc Phật Pháp vị đắc đạo Pháp . thích đẳng vô dị .

Như vậy Xá-lợi-phất, đắc Phật pháp và chưa đắc đạo pháp là như nhau không có sai khác.

女為舍利弗種種說空空法。舍利弗默然。無異辯才折答此言。

nữ vi Xá lợi Phật chủng chủng thuyết không không Pháp. Xá lợi Phật mặc nhiên vô dị biện tài chiết đáp thù ngôn .

Rồi Vô Sầu Ưu vì Xá-lợi-phất mà nói các thứ pháp không, Xá-lợi-phất im lặng không có biện tài gì để trả lời lại.

爾時尊者摩訶目犍連。謂女無愁憂。

nhĩ thời Tôn giả Ma-Ha mục kiên liên . vị nữ vô sầu ưu .

Bây giờ Tôn giả Ma-ha-mục-kiên-liên hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

見如來何異。要言聲聞辟支佛所不能及知。

kiến Như Lai hà dị . yếu ngôn thanh văn Bích chi Phật sở bất năng cập tri .

Thấy Như Lai có gì khác mà nói Thanh văn, Bích-chi-Phật không thể biết được

女報尊者目犍連。能知三千大千世界星宿數不。

nữ báo Tôn giả mục kiên liên . năng tri tam Thiên Đại Thiên thế giới tinh tú số bất .

Vô Sầu Ưu Đáp: Ngài có thể biết có bao nhiêu vì sao trong ba ngàn đại thiên thế giới không?

目犍連報女言。我當禪定三昧觀本際。

mục kiên liên báo nữ ngôn . ngã đương Thiền định tam-muội quán bản tế .

Mục-kiên-liên đáp: Tôi sẽ nhập định Tam-muội để quán sát

女謂目犍連。恒薩阿竭一一持三昧。

nữ vị mục kiên liên . đát tát a kiệt nhất nhất trì tam-muội .

Vô Sầu Ưu nói: Đức Như Lai mỗi mỗi đều nhập định Tam-muội,

視見恒沙中數人民意念所趣向。何況是星宿。

thị kiến hằng sa trung số nhân dân ý niệm sở thú hướng . hà hưởng thị tinh tú .

thấy được tâm niệm hướng đến của hằng hà sa số chúng sanh, huống là các vì sao, 以是故知但薩阿竭於諸法而有持。

dĩ thị cố tri đát tát a kiết u chu Pháp nhi hữu trì 。  
Vì vậy nên biết Như Lai đối với các pháp mà có nắm giữ

是故聲聞辟支佛所不及知。尊者目捷連。

thị cố thanh văn Bích chi Phật sở bất cập tri 。 Tôn giả mục kiên liên 。  
cho nên hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật không thể biết được. Tôn giả Mục-liên!

寧知十方佛刹中幾何天地當敗壞。幾何天地當合成。答女言。

ninh tri thập phương Phật sát trung ki hà Thiên địa đương bại hoại 。 ki hà Thiên địa đương hợp thành 。 đáp nữ ngôn 。

ngài có thể biết trong cõi Phật ở mười phương có bao nhiêu thế giới sẽ phá hoại, bao nhiêu thế giới sẽ hợp thành. Đáp rằng:

不知。女復問目捷連。寧知幾佛以過去。

bất tri 。 nữ phục vấn mục kiên liên 。 ninh tri ki Phật dĩ quá khứ 。

Không biết. Vô Sầu Ưu lại hỏi Mục-liên: Ngài biết có bao nhiêu pháp trong đời quá khứ

幾佛甫當來。幾佛今見在。答女言。不知。

ki Phật phủ đương lai 。 ki Phật kim kiến tại 。 đáp nữ ngôn 。

bao nhiêu pháp đời vị lai, bao nhiêu pháp đời hiện tại? Đáp rằng: Không biết

女復問目捷連。世間貪婬有幾人。喜瞋恚有幾人。

nữ phục vấn mục kiên liên 。 thế gian tham dâm hữu ki nhân 。 hi sân khú hữ ki nhân 。

Vô Sầu Ưu lại hỏi: Trên thế gian có bao nhiêu người tham dục, có bao nhiêu người ưa sân giận,

愚癡者有幾人。盡行三事有幾人。

ngu si giả hữu ki nhân 。 tận hạnh tam sự hữu ki nhân 。

có bao nhiêu người ngu si, có bao nhiêu người thực hạnh cả ba việc tham, sân, si,

不行三事有幾人。答言。不知。女復問尊者摩訶目捷連。

bất hạnh tam sự hữu ki nhân 。 đáp ngôn 。

bất tri 。 nữ phục vấn Tôn giả Ma-Ha mục kiên liên 。

có bao nhiêu người không thực hạnh tham, sân, si? Đáp rằng: Không biết. Vô Sầu Ưu lại hỏi:

世間有幾人求聲聞道。幾人求辟支佛道。

thế gian hữu ki nhân cầu thanh văn đạo 。 ki nhân cầu Bích chi Phật đạo 。

Trên thế gian có bao nhiêu người cầu đạo Thanh văn, bao nhiêu người cầu đạo Duyên-giác,

幾人求摩訶衍。答女言。不知。女復問目捷連。

ki nhân cầu Ma-Ha diển 。 đáp nữ ngôn 。

bất tri 。 nữ phục vấn mục kiên liên 。

boa nhiều người cầu đạo Đại-thừa? Đáp rằng: Không biết. Vô Sầu Ưu lại hỏi:

世間有幾人求佛道。幾人不信佛道。

thế gian hữu ki nhân cầu Phật đạo 。 ki nhân bất tín Phật đạo 。

Trên thế gian có bao nhiêu người cầu đạo Phật, bao nhiêu người không tin đạo Phật,

幾人信九十六種道。幾人不信九十六種道。

ki nhân tín cửu thập lục chủng đạo 。 ki nhân bất tín cửu thập lục chủng đạo 。

có bao nhiêu người tin chín mươi sáu thứ đạo, 適無所信為有幾人。答言。不知。女報目捷連。

thích vô sở tín vi hữu ki nhân 。 đáp ngôn 。

bất tri 。 nữ báo mục kiên liên 。

có bao nhiêu người hoàn toàn không tin? Đáp rằng: Không biết. Vô Sầu Ưu nói: 但薩阿竭悉知是事。復過於此不可計無有限。

đát tát a kiết tát tri thị sự . phục quá u thù bất khả kể vô hữu hạn .  
Đức Như Lai biết hết các việc này và những việc khác hơn đây không thể kể hết,  
không có hạn lượng  
聲聞辟支佛所不能及知。

thanh văn Bích chi Phật sở bất năng cập tri .  
mà hàng Thanh văn Bích-chi-Phật không thể biết đến,  
是故怛薩阿竭於諸法而有持。尊者目捷連。

thị cố đát tát a kiết u chư Pháp nhi hữu tri . Tôn giả mục kiền liên .  
cho nên đức Như Lai đối với các pháp có sự nắm giữ. Tôn giả Mục-kiền-liên!  
為怛薩阿竭所稱譽神足第一。寧曾至捷陀呵剌土(漢言香潔國)。

vi đát tát a kiết sở xung dụ Thần túc đệ nhất. ninh tăng chí kiền đà ha sát  
độ(hán ngôn hương khiết quốc) .

đức Như Lai được khen ngợi là thần thông đệ nhất, đã từng đến cõi nước Kiền-đà-  
ha (Hán dịch là Hương-khiết),

是剎中有樹以七寶而校飾。以眾寶為樹栴檀為華香。

thị sát trung hữu thụ dĩ thất bảo nhi hiệu súc . dĩ chúng bảo vi thụ chiên đàn  
vi hoa hương .

cõi ấy có cây bằng bảy báu, có chiên đàn làm hương hoa,  
摩訶目捷連報女言。

Ma-Ha mục kiền liên báo nữ ngôn .

Ma-ha-mục-kiền-liên nói:

本所不聞本所不見今乃聞。

bổn sở bất văn bổn sở bất kiến kim nãi văn .

Trước đây vốn chưa nghe chưa thấy, nay mới nghe.

是剎土名字未曾所見聞願聞是剎中怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛名字。

thị sát độ danh tự vị tăng sở kiến văn nguyện văn thị sát trung đát tát a kiết a  
la ha tam da tam Phật danh tự .

Tên cõi nước ấy chưa từng thấy nghe, nay muốn nghe danh tự của đức Như Lai, Ứng-  
cúng, Chánh-biến-tri nơi cõi ấy,

今現在說經法不。女報言。

kim hiện tại thuyết Kinh Pháp bất . nữ báo ngôn .

hiện nay đức Phật có thuyết kinh pháp không? Vô Sầu Ưu đáp:

彼剎佛名香潔放光明怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。在彼剎說經法。

bỉ sát Phật danh hương khiết phóng quang-minh đát tát a kiết a la ha tam da tam  
Phật . tại bỉ sát thuyết Kinh Pháp .

Tên đức Phật ấy là Hương khiết Phóng Quang Minh Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến  
Tri, hiện đang thuyết pháp nơi cõi ấy.

女無愁憂於坐不起作瑞應三昧。

nữ vô sầu ưu u tọa bất khởi tác thụ ứng tam-muội .

Rồi Vô Sầu Ưu ngồi nơi tòa mà nhập định tam-muội

念菩薩初發意。求阿耨多羅三耶三佛。

niệm Bồ Tát sơ phát ý . cầu a nậu đa-la tam da tam Phật .

nghĩ đến sơ phát tâm Bồ-tát mà cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

過聲聞辟支佛上如我。

quá thanh văn Bích chi Phật thượng như ngã .

vượt quá Thanh văn Bích-chi-phật,

至心願我香潔放光明怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。現光明使諸聲聞見其剎土。

chí tâm nguyện ngã hương khiết phóng quang-minh đát tát a kiết a la ha tam da  
tam Phật . hiện quang-minh sử chư thanh văn kiến kỳ sát độ .

chí tâm nguyện cầu Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri  
hiện bày hào quang khiến các Thanh văn được thấy cõi nước kia



使國中栴檀香香聞是聞刹土。

sử quốc trung chiêm đàn hương hương văn thị gian sát độ .  
khiến mùi hương chiêm đàn nơi cõi ấy lan tỏa tại cõi này.

女無愁憂立是願。

nữ vô sầu ưu lập thị nguyện .

Vô Sầu Ưu lập nguyện này

於是香潔放光明但薩阿竭阿羅呵三耶三佛。尋時放身相光明。是刹諸聲聞。

ư thị hương khiết phóng quang-minh đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật . tâm  
thời phóng thân tướng quang-minh . thị sát chư thanh văn .

thì đức Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai liền phóng hào quang trên thân  
khiến hàng Thanh văn cõi này,

皆見彼刹土香潔放光明但薩阿竭阿羅呵三耶三

giai kiến bỉ sát độ hương khiết phóng quang-minh đất tát a kiết a la ha tam da  
tam

đều thấy đức Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai ở cõi kia,

佛。於大眾中菩薩說經法。

Phật . ư Đại chúng trung Bồ Tát thuyết Kinh Pháp .

đang ở trong chúng Bồ-tát mà thuyết kinh pháp.

諸聲聞自於其處所。聞彼佛所說法皆佛威神之恩。

chư thanh văn tự ư kỳ xứ sở. văn bỉ Phật sở thuyết Pháp giai Phật uy Thần chi ân  
Các Thanh văn cõi này đều nghe đức Phật kia thuyết Pháp, đều nương nhờ oai thần  
của Phật.

彼香潔但薩阿竭阿羅呵三耶三佛持六十種音說。

bỉ hương khiết đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật trì lục thập chủng âm  
thuyết .

đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh-Như Lai dùng sáu mươi thứ âm thanh mà  
thuyết Pháp,

如女無愁憂所說無異。

như nữ vô sầu ưu sở thuyết vô dị .

cũng như chỗ thuyết pháp của Vô Sầu Ưu không có sai khác.

初發意求阿耨多羅三耶三菩。是輩之人。過聲聞辟支佛上。

sơ phát ý cầu a nậu đa-la tam da tam bồ . thị bối chi nhân . quá thanh văn Bích  
chi Phật thượng .

Những hạng người sơ phát tâm cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vượt trên  
cả Thanh văn, Bích-chi-Phật.

說是時。彌勒菩薩。白佛言。

thuyết thị thời . Di Lặc Bồ Tát . bạch Phật ngôn .

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng:

是栴檀香從何刹土來。至是聞香乃如是。佛語彌勒菩薩。

thị chiêm đàn hương tông hà sát độ lai. chí thị gian hương nãi như thị . Phật  
ngữ Di Lặc Bồ Tát .

Mùi hương chiêm đàn này từ cõi nào đưa đến khiến như vậy. Phật bảo Bồ-tát Di  
Lặc:

女無愁憂與諸大聲聞。共師子吼有此善瑞故。

nữ vô sầu ưu dĩ chư Đại thanh văn. cộng Sư-tử hống hữu thử thiện thụy cố .

Do Vô Sầu Ưu và các đại Thanh văn có duyên lành với Phật kia

現彼香潔放光明佛刹刹中栴檀香滿沙呵刹

hiện bỉ hương khiết phóng quang-minh Phật sát sát trung chiêm đàn hương mãn sa  
ha sát

nên mùi hương chiêm đàn nơi cõi Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh lan tỏa khắp  
cõi này.

中。無愁憂女。語尊者目捷連。

trung . vô sầu ưu nữ . ngữ Tôn giả mục kiên liên .

Vô Sầu Ưu nói với Tôn giả Mục-kiên-liên rằng:

菩薩現功德變化。如是者。有何當志於小道。

Bồ Tát hiện công đức biến hoá . như thị giả . hữu hà đương chí u tiểu đạo .

Bồ-tát hiện bày công đức biến hóa như vậy, có chí gì mà cầu ở đạo Tiểu-thừa.

女復問目捷連。寧知捷陀剎去是遠近不。目捷連答曰。

nữ phục vấn mục kiên liên. ninh tri kiên đà sát khứ thị viễn cận bất. mục kiên liên đáp viết .

Vô Sầu Ưu lại hỏi Mục-kiên-liên: Ngài biết nước Kiền-đà-ha cách đây bao xa không? Mục-kiên-liên đáp:

不知。女謂目捷連。

bất tri . nữ vị mục kiên liên .

Không biết. Vô Sầu Ưu nói:

如目連等滿是三千大千剎中。譬如蘆葦干柘竹稻草木。

như mục kiên đẳng mãn thị tam thiên Đại Thiên sát trung . thí như lô vi can chá trúc đạo thảo mộc .

Thí như có số người bằng lúa mè tre lau cỏ cây trong ba ngàn đại thiên thế giới

令目連其數如此。時過一劫計彼佛剎無能計知其處。

lệnh mục kiên kỳ số như thử . thời quá nhất kiếp kế bi Phật sát vô năng kế tri kỳ xử .

đều như Mục-kiên-liên, trải qua một kiếp để tính đếm cõi Phật kia cũng không thể biết được

乃過爾所佛剎。乃可得香潔放光明佛所治。

nãi quá nhĩ sở Phật sát. nãi khả đắc hương khiết phóng quang-minh Phật sở trị . cho đến có thể nghe hay thấy cõi Phật hay chỗ cai trị của đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh

爾時香潔放光明佛。即迴光還歸本土。

nhĩ thời hương khiết phóng quang-minh Phật . tức hồi quang hoàn quy bản độ .

Lúc bấy giờ Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh liền thâm hào quang rồi trở về đất nước mình,

於是佛剎不復現。目捷連見此變異。默然無所言趣。

ư thị Phật sát bất phục hiện . mục kiên liên kiến thử biến dị . mặc nhiên vô sở ngôn thú .

cõi Phật không hiện ra nữa. Mục-kiên-liên thấy việc biến hóa kỳ lạ này bèn im lặng không nói lời gì.

尊者摩訶迦葉。謂女無愁憂。

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp . vị nữ vô sầu ưu .

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

寧見前釋迦文怛薩阿竭阿羅呵三耶三善不耶。

ninh kiến tiền Thích Ca văn đạt tát a kiết a la ha tam da tam bồ bát da .

ngươi có thấy đức Thích-ca Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác không?

可得見佛色身使佛有所說。云何。

khả đắc kiến Phật sắc thân sử Phật hữu sở thuyết . vân hà .

Có thể thấy sắc thân của Phật, nghe Phật thuyết Pháp chăng?

見我色者

聞我聲者

愚癡不信

Kiến ngã sắc giả

Văn ngã thanh giả

Ngu si bất tín

Người thấy sắc thân ta

Nghe âm thanh của ta

Ngu si không tin hiểu

是人不見

以法見佛

佛者法身

Thị nhân bất kiến

Dĩ Pháp kiến Phật

Phật giả Pháp thân

Người này sẽ không thấy

Dùng pháp để thấy Phật

Phật tức là pháp thân

法者難曉 以是叵見  
Pháp giả nan hiểu Dĩ thị phả kiến  
Pháp ấy khó hiểu biết Do đó không thể thấy.

爾時尊者摩訶迦葉作是念。

Nhĩ thời Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tác thị niệm 。

Lúc bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi rằng:

女曾見釋迦文怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛不。

nữ tăng kiến Thích Ca văn đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật bất 。

Người từng thấy đức Thích-ca Như Lai-úng-cúng-chánh-biến-tri chưa?

女答迦葉言然。我見怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

nữ đáp ca diệp ngôn nhiên 。

Vô Sầu Ưu đáp: Vâng! Tôi thấy Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri,

不持肉眼見不色見。不無色見。亦不持天眼見。

bất trì nhục nhãn kiến bất sắc kiến。bất vô sắc kiến。diệc bất trì Thiên nhãn kiến。

không dùng nhãn để thấy, không dùng sắc để thấy, không dùng vô sắc để thấy, cũng không dùng thiên nhãn để thấy,

亦不持痛痛思想生死識眼見。亦不智慧眼見。

diệc bất trì thống thống tư tưởng sanh tử thức nhãn kiến 。

không dùng thức nhãn đầy tưởng sanh tử để thấy, cũng không dùng huyệt nhãn để thấy,

亦不想識見。亦不法眼見。亦不身見。

diệc bất tưởng thức kiến 。

cũng không dùng thức tưởng để thấy, cũng không dùng pháp nhãn để thấy, không dùng thân để thấy,

亦不佛眼見。亦不命見。摩訶迦葉。我見怛薩阿竭。

diệc bất Phật nhãn kiến。diệc bất mạng kiến。Ma-ha Ca-diếp。ngã kiến đát tát a kiệt。

cũng không dùng Phật nhãn để thấy, cũng không dùng mạng để thấy。Ma-ha Ca-diếp! Tôi thấy đức Như Lai

如尊者摩訶迦葉者。為無大明樂世間生。

như Tôn giả Ma-ha Ca-diếp giả 。

như Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, vì vô minh nên ưa sanh nơi thế gian。

自謂有身。緣一覺行。念欲見道。摩訶迦葉謂女。

tự vị hữu thân 。

Tự cho rằng có thân, rồi thực hạnh đạo duyên giác, ý muốn thấy đạo。Ma-ha Ca-diếp hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

設是法無有主。愚癡者乃樂生。

thiết thị Pháp vô hữu chủ 。

Giả sử pháp này không có chủ, người ngu si chính là ưa sanh

自謂是我身。一切萬物是我所有法想。

tự vị thị ngã thân 。

rồi tự cho rằng thân là của ta, tất cả vạn vật tưởng là pháp của ta,

不於中邊得見。從何而化生。女謂摩訶迦葉。

bất ư trung biên đắc kiến 。

không thể thấy rõ trong ấy là từ đâu mà hóa sanh。Vô Sầu Ưu đáp:

諸法不可得見。是故法無形。如是不可得見。如何生。

chư Pháp bất khả đắc kiến 。

các pháp không thể thấy, cho nên pháp là vô hình, như vậy không thể thấy, làm sao sanh.

摩訶迦葉謂女。佛法亦空無所有。

Ma-ha Ca-diếp vị nữ 。 Phật Pháp diệc không vô sở hữu 。

Ma-ha Ca-diếp hỏi: Phật pháp cũng là không, không có sở hữu

女復謂摩訶迦葉。欲得見無上正真法者當如法。

nữ phục vị Ma-ha Ca-diếp 。 dục đắc kiến vô thượng chánh chân Pháp giả đương như Pháp 。

Vô Sầu Ưu đáp: Muốn thấy pháp vô thượng chân chánh thì phải thấy như pháp

摩訶迦葉報女。白衣法我欲聞。況佛道不欲聞。

Ma-ha Ca-diếp báo nữ 。 bạch y Pháp ngã dục văn 。 huống Phật đạo bất dục văn 。

Ma-ha Ca-diếp nói: Pháp của bạch y ta còn muốn nghe huống là Phật pháp mà không nghe sao

女謂摩訶迦葉。法不見有亦不見無。

nữ vị Ma-ha Ca-diếp 。 Pháp bất kiến hữu diệc bất kiến vô 。

Vô Sầu Ưu nói: Pháp không thấy có cũng không thấy không

摩訶迦葉謂女。是法無。女復謂摩訶迦葉。

Ma-ha Ca-diếp vị nữ 。 thị Pháp vô 。

Ma-ha Ca-diếp nói: Pháp này là không. Vô Sầu Ưu lại nói:

諸法皆空無有形。不可從諦得見。若善男子善女人。

chư Pháp giai không vô hữu hình 。 bất khả tòng đế đắc kiến 。

欲見佛身相。自淨其行於行清淨。

dục kiến Phật thân tướng 。

muốn thấy thân tướng của Phật, thì phải thanh tịnh hạnh vi của mình, ở nơi hạnh vi thanh tịnh

得見諸淨是則純熟。摩訶迦葉謂女。

đắc kiến chư tịnh thị tắc thuần thực 。

mà thấy sự thanh tịnh thuần thực. Ma-ha Ca-diếp hỏi:

云何自淨其行純熟者。女謂摩訶迦葉。

vân hà tự tịnh kỳ hạnh thuần thực giả 。

Thế nào gọi là tự thanh tịnh hạnh vi thuần thực? Vô Sầu Ưu đáp:

能自觀身空者悉入諸法空。諸法亦不減亦不增。是為自見諸淨。

năng tự quán thân không giả tất nhập chư Pháp không 。

Có thể tự quán sát thân là không, đều nhập vào các pháp không, các pháp cũng không tăng không giảm, đó là tự thấy tất cả thanh tịnh

摩訶迦葉謂女。何等謂身空。女報。

Ma-ha Ca-diếp vị nữ 。

Ma-ha Ca-diếp hỏi: Cái gì gọi là thân không? Vô Sầu Ưu đáp:

空盡空是。是身為空。諸法空亦如是。摩訶迦葉。

không tận không thị 。

Hết thấy trống không là không, thân này là không, các pháp trống không cũng như vậy.

復問女無愁憂。從何聞是法乃能信諦。

phục vấn nữ vô sầu ưu 。

Ma-ha Ca-diếp lại hỏi: Pháp này từ đâu mới có thể tin chắc chắn.

佛有二事因緣得信。聞他人善自念其行。女報迦葉。

Phật hữu nhị sự nhân duyên đắc tín . văn tha nhân thiện tự niệm kỳ hạnh . nữ báo ca diệp .

Đức Phật có hai nhân duyên khiến được tin, đó là nghe điều thiện của người khác, tự suy nghĩ hạnh vi của mình. Vô Sầu Ưu đáp:

他人智說可聞。爾乃自觀身造行。

tha nhân trí thuyết khả văn . nhĩ nãi tự quán thân tạo hạnh .

Người khác có trí tuệ nên thuyết giảng có thể nghe, ông chính là tự quán sát sự tạo tác của thân,

女報摩訶迦葉。若自智慧。復觀一切智。以明為師。

nữ báo Ma-ha Ca-diếp. nhược tự trí tuệ. phục quán nhất thiết trí. dĩ minh vi sư  
Vô Sầu Ưu lại nói: Nếu tự mình có trí tuệ, lại quán sát tất cả trí, lấy sự sáng suốt làm thầy.

摩訶迦葉報女。云何自知身行善。女答言。

Ma-ha Ca-diếp báo nữ . vân hà tự tri thân hạnh thiện . nữ đáp ngôn .

Ma-ha Ca-diếp hỏi: Làm sao tự biết thân làm điều thiện. Vô Sầu Ưu đáp:

聞法觀善。身行善則見善造行。摩訶迦葉報女。

văn Pháp quán thiện. thân hạnh thiện tắc kiến thiện tạo hạnh. Ma-ha Ca-diếp báo nữ.

Nghe pháp quán sát điều thiện, thân làm việc thiện, thì thấy điều thiện nơi sự tạo tác. Ma-ha Ca-diếp hỏi:

云何菩薩自觀身行善。女答摩訶迦葉。

vân hà Bồ Tát tự quán thân hạnh thiện . nữ đáp Ma-ha Ca-diếp .

Bồ-tát làm sao tự quán sát thân làm điều thiện? Vô Sầu Ưu đáp:

菩薩法與一切天下人共合適不疏遠。

Bồ Tát Pháp dữ nhất thiết Thiên hạ nhân cộng hợp thích bất sơ viễn .

Pháp của Bồ-tát là thích hợp với tất cả mọi người trong thiên hạ không có xa lánh

是則菩薩身行善。女復報摩訶迦葉。

thị tắc Bồ Tát thân hạnh thiện . nữ phục báo Ma-ha Ca-diếp .

đó là thân Bồ-tát làm điều thiện. Vô Sầu Ưu lại nói:

當來法過去法今現在法。意無增減是為行菩薩法。

đương lai Pháp quá khứ Pháp kim hiện tại Pháp . ý vô tăng giảm thị vi hạnh Bồ Tát Pháp .

Pháp đời vị lai, quá khứ, hiện tại không có tăng giảm, đó là thực hạnh pháp Bồ-tát

摩訶迦葉問女。云何見法無所增無所減。

Ma-ha Ca-diếp vấn nữ . vân hà kiến Pháp vô sở tăng vô sở giảm .

Ma-ha Ca-diếp hỏi: Tại sao thấy pháp không có chỗ tăng giảm

女報摩訶迦葉。有二事。有法無法。不增不減。作是念。

nữ báo Ma-ha Ca-diếp . hữu nhị sự . hữu Pháp vô Pháp . bất tăng bất giảm . tác thị niệm .

Vô Sầu Ưu đáp: Có hai việc là: Có pháp không pháp, không tăng không giảm. Suy nghĩ như vậy

是為自見身意行。見身意行則為無所見知。

thị vi tự kiến thân ý hạnh . kiến thân ý hạnh tắc vi vô sở kiến tri .

đó là tự thấy thân và ý thực hạnh, thấy thân và ý thực hạnh tức là không có chỗ thấy biết.

摩訶迦葉。自見其身。迦葉謂女。云何自見其身。

Ma-ha Ca-diếp . tự kiến kỳ thân . ca diệp vị nữ . vân hà tự kiến kỳ thân .

Ma-ha Ca-diếp tự thấy thân của mình. Ca-diếp hỏi: Thế nào là tự thấy thân mình?

女報言。如摩訶迦葉。自度身不見一切人。

nữ báo ngôn . như Ma-ha Ca-diếp . tự độ thân bất kiến nhất thiết nhân .  
Vô Sầu Ưu đáp: Như Ma-ha Ca-diếp tự độ thân mình mà không thấy tất cả mọi người  
摩訶迦葉答言。我無所見。女報摩訶迦葉。

Ma-ha Ca-diếp đáp ngôn . ngã vô sở kiến . nữ báo Ma-ha Ca-diếp .

Ma-ha Ca-diếp nói: Tôi không có chỗ thấy. Vô Sầu Ưu đáp:

諸法適無所捨亦無所著。摩訶迦葉默然。

chư Pháp thích vô sở xả diệc vô sở trú . Ma-ha Ca-diếp mặc nhiên .

Các pháp vốn không có chỗ xả, cũng không có chỗ đắm. Ma-ha Ca-diếp im lặng  
無以加報。爾時尊者須菩提。聞是語。

vô dĩ gia báo . nhĩ thời Tôn giả Tu Bồ đề . văn thị ngữ .

không có lời đáp lại. Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề nghe lời này

為甚難甚難大歡喜。問女無愁憂。

vi thậm nan thậm nan Đại hoan hỷ . vấn nữ vô sầu ưu .

thì thấy rất khó hoan hỷ, hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

從何得大利乃有此辯。女報須菩提。亦無得利亦無不得利。

tòng hà đắc Đại lợi nãi hữu thủ biện . nữ báo Tu Bồ đề . diệc vô đắc lợi diệc vô  
bất đắc lợi .

Từ đâu mà có lợi ích lớn và biện tài như vậy? Vô Sầu Ưu đáp: cũng không có lợi  
ích, cũng không có biện tài

慧亦不見法法亦不見慧。

tuệ diệc bất kiến Pháp Pháp diệc bất kiến tuệ .

trí tuệ không thấy pháp, pháp không thấy trí tuệ,

亦不內觀亦不外觀。是則慧。所以者何。

diệc bất nội quán diệc bất ngoại quán . thị tắc tuệ . sở dĩ giả hà .

cũng không quán xét bên trong, không quán xét bên ngoài. Đó tức là tuệ, tại vì  
sao?

須菩提言有法者則非法。如尊者須菩提。第一樂空閑處。

Tu Bồ đề ngôn hữu Pháp giả tắc phi Pháp . như Tôn giả Tu Bồ đề . đệ nhất lạc  
không nhàn xử .

Tu-bồ-đề nói có pháp tức là phi pháp, như Tôn giả Tu-bồ-đề là người đệ nhất Lạc  
không nhàn xử,

法為有處有說。為有慧無有慧慧無所說。

Pháp vi hữu xử hữu thuyết . vi hữu tuệ vô hữu tuệ tuệ vô sở thuyết .

Pháp và có nơi chốn, có nói rằng, là có tuệ, không có tuệ, tuệ không có chỗ để  
nói.

須菩提報女言。不持空閑處。有法處得慧。

Tu Bồ đề báo nữ ngôn . bất trì không nhàn xử . hữu Pháp xử đắc tuệ .

Tu-bồ-đề nói: Không nắm giữ chỗ vắng lặng, có pháp xử là đắc trí tuệ

是法見不是可說不可出。女報須菩提。一切法悉如是。

thị Pháp kiến bất thị khả thuyết bất khả xuất . nữ báo Tu Bồ đề . nhất thiết

Pháp tất như thị .

pháp này thấy, không thể nói không thể đưa ra. Vô Sầu Ưu nói: Tất cả pháp đều  
như vậy

無從見無從取。云何得大利而有慧。

vô tòng kiến vô tòng thủ . vân hà đắc Đại lợi nhi hữu tuệ .

không từ thấy, không từ chỗ lấy, tại sao được lợi lớn mà có tuệ?

須菩提報女言。設空無有慧。何從有是語。

Tu Bồ đề báo nữ ngôn . thiết không vô hữu tuệ . hà tòng hữu thị ngữ .

Tu-bồ-đề đáp: Giả sử trống không, không có tuệ, vậy từ đâu có lời này?

女問須菩提。寧聞山中大呼有響聲來應不。

nữ vấn Tu Bồ đề . ninh văn sơn trung Đại hô hữu hưởng thanh lai ứng bất .

Vô Sầu Ưu đáp: Ông nghe khi ở trong núi mà gọi lớn thì có tiếng vọng đáp lại chẳng?

一切法悉如是。信不言信是響。有慧無慧本無慧。

nhất thiết Pháp tất như thị. tín bất ngôn tín thị hưởng. hữu tuệ vô tuệ bản vô tuệ .

Tất cả pháp đều như vậy, tin mà không nói tin là tiếng vọng, có tuệ mà không tuệ vốn là không tuệ

是響因聲而合成。女問須菩提。

thị hưởng nhân thanh nhi hợp thanh . nữ vấn Tu Bồ đề .

tiếng vọng do nơi âm thanh mà có. Vô Sầu Ưu lại hỏi:

是響出為有響像無。報女言。響無形像響因空而有名。

thị hưởng xuất vi hữu hưởng tượng vô . báo nữ ngôn . hưởng vô hình tượng hưởng nhân không nhi hữu danh .

tiếng vọng phát ra là có hình tượng không? Tu-bồ-đề đáp: Tiếng vọng không có hình tượng, là nơi trống không mà có tên,

一切法如響因空而出生。女報須菩提。

nhất thiết Pháp như hưởng nhân không nhi xuất sanh . nữ báo Tu Bồ đề .

tất cả pháp đều như tiếng vọng, là do nơi trống không mà phát ra. Vô Sầu Ưu nói:

一切法法所說從空生。須菩提問女言。若一切法從空生。

nhất thiết Pháp Pháp sở thuyết tòng không sanh . Tu Bồ đề vấn nữ ngôn . nhược nhất thiết Pháp tòng không sanh .

Tất cả pháp mà nói ra là từ trống không sanh. Tu-bồ-đề hỏi: Nếu tất cả pháp từ nơi trống không sanh,

何以故。佛說世間當來佛如恒沙數。

hà dĩ cố . Phật thuyết thế gian đương lai Phật như hằng sa số .

thì tại sao Phật nói đời vị lai có hằng hà sa số Phật

女報須菩提。欲得知法所生處耶。答言欲知。

nữ báo Tu Bồ đề . dục đắc tri Pháp sở sanh xứ da . đáp ngôn dục tri .

Vô Sầu Ưu đáp: Ông muốn biết chỗ sanh ra của pháp chẳng? Đáp rằng: Muốn biết.

所生處無所生。無所生是生處。須菩提。恒沙等。

sở sanh xứ vô sở sanh . vô sở sanh thị sanh xứ . Tu Bồ đề . hằng sa đẳng .

Vô Sầu Ưu nói: Chỗ sanh tức là không có chỗ sanh, không có chỗ sanh tức là chỗ sanh. Tu-bồ-đề, hằng sa Phật ấy

不見從如來去。亦無所至。所以作佛者。

bất kiến tòng Như Lai khứ . diệc vô sở chí . sở dĩ tác Phật giả .

là không thấy từ chỗ Như Lai đi, cũng không có chỗ đến, sở dĩ làm Phật

何法不從。發意亦不止意。須菩提報女言。

hà Pháp bất tòng . phát ý diệc bất chí ý . Tu Bồ đề báo nữ ngôn .

là không từ pháp nào, phát ý cũng không dừng ý. Tu-bồ-đề nói:

是說為第一未生未起。女報須菩提。

thị thuyết vi đệ nhất vị sanh vị khởi . nữ báo Tu Bồ đề .

Lời nói này là đệ nhất chưa sanh chưa khởi. Vô Sầu Ưu nói:

所說皆第一。若說若不說亦第一。一切無所生不可說。

sở thuyết giai đệ nhất . nhược thuyết nhược bất thuyết diệc đệ nhất . nhất thiết vô sở sanh bất khả thuyết .

Chỗ nói đều là đệ nhất. Nói và không nói cũng là đệ nhất, tất cả không có chỗ sanh, không thể nói,

不可說不離佛法。須菩提報女言。

bất khả thuyết bất ly Phật Pháp . Tu Bồ đề báo nữ ngôn .

không thể nói không lìa Phật pháp. Tu-bồ-đề nói:

甚難居家為道。乃有此辯。博覽眾要深入微妙。

thậm nan cư gia vi đạo . nãi hữu thù biện . bác lãm chúng yếu thâm nhập vi diệu.  
Ở thế gian rất khó học đạo, chính là có biện tài này, rộng hiểu biết cần thâm nhập chỗ vi diệu

女報須菩提。菩薩亦無居家。亦無出家。亦無沙門。

nữ báo Tu Bồ đề . Bồ Tát diệc vô cư gia . diệc vô xuất gia . diệc vô Sa Môn .  
Vô Sầu Ưu nói: Bồ-tát không ở tại gia cũng không xuất gia, cũng không làm Sa-môn,

亦無不沙門。所以者何。以心意為行。

diệc vô bất Sa Môn . sở dĩ giả hà . dĩ tâm ý vi hạnh .  
cũng không phải không làm Sa-môn. Tại vì sao? Bởi dòng tâm ý mà thực hạnh,  
行者以智為上。以黠為善。須菩提問。

hạnh giả dĩ trí vi thượng . dĩ hiệt vi thiện . Tu Bồ đề vấn .

thực hạnh thì lấy trí tuệ làm đầu, lấy sự sáng suốt làm điều thiện. Tu-bồ-đề hỏi:

菩薩有幾處止。願聞其說。女報須菩提。菩薩持八法住。

Bồ Tát hữu ki xử chí . nguyện văn kỳ thuyết . nữ báo Tu Bồ đề . Bồ Tát trì bát Pháp trụ .

Bồ-tát có mấy chỗ dừng nghỉ, tôi muốn nghe lời này. Vô Sầu Ưu đáp: Bồ-tát trụ nơi tám pháp,

是故止處在所止。無所不止。聲聞中第一。

thị cố chí xử tại sở chí . vô sở bất chí . thanh văn trung đệ nhất .

cho nên có chỗ dừng, không có chỗ nào là không dừng, là đệ nhất trong hàng Thanh văn

何等為八法。往菩薩常行善意。

hà đẳng vi bát Pháp . vãng Bồ Tát thường hạnh thiện ý .

thế nào là tám pháp? Bồ-tát thường thực hạnh ý thiện,

至心求佛無轉誨。一以大慈救護天上天下人。

chí tâm cầu Phật vô chuyển hối . nhất dĩ Đại từ cứu hộ Thiên thượng Thiên hạ nhân .

chí tâm cầu Phật đạo không lay chuyển hối hận. Một là có tâm từ bi lớn cứu vớt che chở tất cả người trong thế gian

二不捨大哀離世間法於身命無所著。

nhị bất xả Đại ai ly thế gian Pháp u thân mạng vô sở trú .

Hai là không xả bỏ pháp thế gian, không tham đắm thân mạng

三行漚和拘舍羅不可計智皆發意求佛。

tam hạnh âu hòa câu xá la bất khả kế trí giai phát ý cầu Phật .

Ba là thực hạnh đối với vô lượng chúng sanh, phát tâm cầu Phật đạo

四常行勇猛不厭見聞求諸法五悉知菩薩行處。

tứ thường hạnh dũng mãnh bất yếm kiến văn cầu chư Pháp ngũ tất tri Bồ Tát hạnh xử .

Bốn là thường dũng mãnh không biếng trễ, cầu thấy nghe các pháp. Năm là biết rõ chỗ thực hạnh của Bồ-tát

六悉救一切人意。七其智不從他人受一切法自證得忍。

lục tất cứu nhất thiết nhân ý . thất kỳ trí bất tòng tha nhân thọ nhất thiết

Pháp tự chứng đắc nhẫn .

Sáu là cứu vớt tất cả mọi người. Bảy là trí ấy không thọ nhận từ người khác, tất cả pháp là tự chứng, đắc pháp nhẫn.

八如是。須菩提。持是八法行在所止處。

bát như thị . Tu Bồ đề . trì thị bát Pháp hạnh tại sở chí xử .

Tám là như thị. Tu-bồ-đề, nắm giữ tám pháp này thực hạnh nơi chỗ dừng nghỉ,

過諸羅漢辟支佛上。於是須菩提默然。



quá chu la hán Bích chi Phật thượng . u thị Tu Bồ đề mặc nhiên .  
vượt trên các La-hán Bích-chi Phật. Nghe xong lời này thì Tu-bồ-đề im lặng.

爾時尊者羅云問無愁憂女。乃作是解。

nhĩ thời Tôn giả la vân vân vô sầu ưu nữ . nãi tác thị giải .

Bấy giờ Tôn giả La-vân hỏi Vô Sầu Ưu: Người giải thích lời này,

曉了眾要總持智慧。何故。自坐金床穢濁。

hiểu liễu chúng yếu tổng trì trí tuệ . hà cố . tự tọa kim sàng uế trược .

muốn hiểu rõ cần có trí tuệ Tổng-trì, tại sao tự ngồi nơi tòa báu ô uế,

無謙卑恭敬之心。自處高床。與大比丘難說經法。

vô khiêm ti cung kính chi tâm. tự xử cao sàng. dữ Đại bi khâu nan thuyết Kinh

Pháp.

không có tâm khiêm nhường cung kính, mình ở nơi tòa cao mà cùng các Đại Tỳ-kheo  
nạn thuyết kinh pháp.

吾曾聞佛說。

ngô tăng văn Phật thuyết .

Tôi từng nghe Phật dạy,

人無疾病不得處高床及臥聽而說經法。女報尊者羅云。

nhân vô tật bệnh bất đắc xử cao sàng cập ngọa thính nhi thuyết Kinh Pháp . nữ

báo Tôn giả la vân .

người không tật bệnh thì không ở giường cao và nằm để nghe thuyết kinh pháp. Vô  
Sầu Ưu đáp:

寧知世間以何為淨何等不淨。羅云報女言。

ninh tri thế gian dĩ hà vi tịnh hà đẳng bất tịnh . la vân báo nữ ngôn .

Ông biết trên thế gian thì cái gì gọi là thanh tịnh, cái gì là không thanh tịnh?

La-vân đáp:

世間有持戒信受不犯者是則為淨。若有犯者則為不淨。

thế gian hữu trì giới tín thọ bất phạm giả thị tắc vi tịnh . nhược hữu phạm giả

tắc vi bất tịnh .

Thế gian có người trì giới tin thọ không phạm đó là thanh tịnh, nếu có phạm tức  
là không thanh tịnh

女報羅云。且止未曉未了所以者何。羅云。

nữ báo la vân . thả chi vị hiểu vị liễu sở dĩ giả hà . la vân .

Vô Sầu Ưu đáp: Thôi đi, chưa hiểu rõ được. Tại vì sao? Này La-vân!

持戒信受不犯者是則不淨。其犯戒者是為淨。

trì giới tín thọ bất phạm giả thị tắc bất tịnh . kỳ phạm giới giả thị vi tịnh .

Người trì giới tin thọ không phạm đó là không thanh tịnh. Nếu phạm giới đó là  
thanh tịnh.

所以者何。不倚淨慧則有淨不淨。

sở dĩ giả hà . bất ý tịnh tuệ tắc hữu tịnh bất tịnh .

Tại vì sao? không dựa vào tuệ thanh tịnh tức có tịnh và không tịnh

本無無淨不淨。諸阿羅漢所見如是。其犯戒者為淨。

bổn vô vô tịnh bất tịnh . chu A La Hán sở kiến như thị . kỳ phạm giới giả vi  
tịnh .

vốn là không, không có tịnh và không tịnh. Các A-la-hán đều thấy như vậy, có  
phạm giới là tịnh.

所以者何。羅云。

sở dĩ giả hà . la vân .

Tại vì sao? La-vân!

以離於戒不復學可至無極慧。遠離惡道過於世間。是故謂為離戒。

dĩ ly u giới bất phục học khả chí vô cực tuệ. viễn li ác đạo quá u thể gian thị cố vị vi ly giới .

Do lìa ở giới, không còn học nữa tức có thể đến trí tuệ vô cực. Xa lìa đường ác vượt khỏi thế gian, cho nên gọi là lìa giới.

羅云報女。其人立願不立願有異無。女報言。

la vân báo nữ . kỳ nhân lập nguyện bất lập nguyện hữu dị vô . nữ báo ngôn .

La-vân nói: Người lập nguyện và không lập nguyện có gì khác không? Vô Sầu Ưu đáp:

尊者羅云。譬如紫磨黃金。持作眾物。

Tôn giả la vân . thí như tử ma hoàng kim . trì tác chúng vật .

Tôn giả La-vân! Thí như vàng ròng sắc tía đem làm các vật

珠環瓔鎖。已作未作。前色後色有異無。

châu hoàn anh tóa . dĩ tác vị tác . tiền sắc hậu sắc hữu dị vô .

như vòng ngọc, chuỗi anh lạc, thì màu sắc khi đã làm và chưa làm có gì khác không?

報言無異。如是羅云。何故嫌處高床不恭敬謙。

báo ngôn vô dị . như thị la vân . hà cố hiềm xử cao sàng bất cung kính khiêm .

Đáp rằng: Không khác. Vô Sầu Ưu nói: Như vậy La-vân! Tại sao lại tránh tôi ngồi tòa cao không có cung kính khiêm nhường,

苦者意行是本。羅云。

khổ giả ý hạnh thị bản . la vân .

sự khổ đau thì ý tạo tác là gốc rễ. La-vân!

昔菩薩以草蓐於地為坐。過於聲聞坐梵天坐。羅云復問。

tích Bồ Tát dĩ thảo nhục u địa vi tọa . quá u thanh văn tọa Phạm Thiên tọa . la vân phục vấn .

Thùc xưa Bồ-tát dùng cỏ trải đất làm tòa ngồi, mà vượt hơn tòa của Thanh văn, tòa của Phạm thiên. La-vân hỏi:

云何坐得過聲聞坐於梵天。仁者羅云。

vân hà tọa đắc quá thanh văn tọa u Phạm Thiên . nhân giả la vân .

Tại sao lại vượt hơn tòa của Thanh văn và Phạm thiên. Đáp rằng: Tôn giả La-vân!菩薩於樹下以草為坐。

Bồ Tát u thụ hạ dĩ thảo vi tọa .

Bồ-tát dùng cỏ làm tòa ở dưới gốc cây

三千世界刹土釋梵四天王及世間。上至三十三天。

tam thiên thế giới sát độ thích phạm tứ Thiên Vương cập thế gian . thượng chí tam thập tam Thiên .

thì Đế thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương và thế gian trong ba ngàn thế giới, trên đến cõi trời Đao-lợi.

其中人民大鬼神皆來問訊。菩薩中有頭面禮菩薩足者。

kỳ trung nhân dân Đại quỷ Thần giai lai vấn tẩn . Bồ Tát trung hữu đầu diện lễ Bồ Tát túc giả .

Tất cả nhân dân và quỷ thần trong ấy đều đến thăm hỏi, có người đem đầu mặt lễ dưới chân Bồ-tát,

有跪拜者。有揖讓者。中有叉手者。為爾不羅云。

hữu quy bái giả . hữu ấp nhượng giả . trung hữu xoa thủ giả . vi nhĩ bất la vân . có người quy xuống làm lễ, có người vái chào, có người chấp tay, có đúng không La-vân?

羅云答言。有是有是。

la vân đáp ngôn . hữu thị hữu thị .

La-vân đáp: Đúng vậy, có như vậy.

羅云當知菩薩處意高下非謂床坐。是故過聲聞坐梵天。

la vân đương tri Bồ Tát xử ý cao hạ phi vị sàng tọa . thị cố quá thanh văn tọa Phạm Thiên .

Vô Sầu Ưu nói: La-vân phải biết, Bồ-tát khởi ý cao thấp chẳng phải nơi giường tòa, cho nên vượt hơn tòa của Thanh văn, Phạm thiên,

當作是知。爾時王阿闍貴。告女無愁憂。汝不知耶。

đương tác thị tri. nhĩ thời Vương a xà thế. cáo nữ vô sầu ưu . nữ bất tri da . phải biết như vậy. Bây giờ vua A-xà-thế bảo con gái Vô Sầu Ưu rằng: Con không biết sao?

尊者羅云。是遮迦越王種尊第一。

Tôn giả la vân . thị giả ca việt Vương chủng tôn đệ nhất .

Tôn Giả La vân . thị chận ca qua vua thú/loài tôn thú nhất .

Tôn giả La-vân là đích tôn duy nhất của vua Già-ca-việt.

信用道德故少小棄家行作沙門。棄遮迦越國。

tín dụng đạo đức cố thiếu tiểu khí gia hạnh tác Sa Môn. khí già ca việt quốc . vì tin dùng đạo đức nên tuổi nhỏ mà đã bỏ thế gian để làm Sa-môn, bỏ cả nước già-ca-việt,

是佛釋迦文子。持戒第一。汝云何反輕戲不以禮敬。

thị Phật Thích Ca văn tử . trì giới đệ nhất. nữ vân hà phản khinh hí bất dĩ lễ kính .

La-vân là con của Phật Thích-ca, là người trì giới đệ nhất, tại sao con lại khinh lờn không kính lễ.

女白王。止莫說是語。

nữ bạch Vương . chỉ mặc thuyết thị ngữ .

Vô Sầu Ưu thưa: Phụ vương hãy thôi chớ nói lời này

寧可以神丹之珠比之於水精。王曾見師子當生蟲狐。

ninh khả dĩ Thần đan chi châu bi chi u thủy tinh . Vương tăng kiến Sư-tử đương sanh trùng hồ .

Sao có thể đem viên thần dược so với thủy tinh được, phụ vương từng thấy sư tử mà sanh ra giống sâu bọ chưa,

遮迦王子豈當為小國王。王言不爾。

già ca Vương tử khởi đương vi tiểu Quốc Vương . Vương ngôn bất nhĩ .

con của vua Già-ca-việt có làm vua nước nhỏ không? Vua đáp: Không đúng.

女復白王當知是因緣。彼羅云不從怛薩阿竭。為父母胞胎生。

nữ phục bạch Vương đương tri thị nhân duyên. bi la vân bất tông đất tát a kiệt . vi phụ mẫu bào thai sanh .

Vô Sầu Ưu lại nói: Phải biết đây là nhân duyên, La-vân không phải từ đức Như Lai sanh, mà sanh từ bào thai cha mẹ.

怛薩阿竭師子行。皆降伏九十六種道。

đất tát a kiệt Sư-tử hạnh . giai hàng phục cửu thập lục chủng đạo .

Đức Như Lai thực hạnh hạnh Sư tử, hàng phục được chín mươi sáu thứ ngoại đạo,神通之智。悉具足為大聖猛。一切諸法悉了知。

Thần thông chi trí. tất cụ túc vi Đại Thánh mãnh. nhất thiết chư Pháp tất liễu tri.

đầy đủ thần thông và trí tuệ, là bậc Đại thánh biết rõ tất cả pháp

無所罣礙。等知一切人心所念。

vô sở quái ngại . đẳng tri nhất thiết nhân tâm sở niệm .

không có chướng ngại, cũng biết hết tâm niệm tất cả chúng sanh,

知當來過去今在悉曉知。為大醫王療人苦痛。

tri đương lai quá khứ kim tại tất hiểu tri . vi Đại y Vương liệu nhân khổ thống.

biết rõ đời vị lai quá khứ cũng như hiện tại, là bậc Đại y vương chữa bệnh khổ não cho con người,

常勸助一切轉法輪。舍利弗摩訶目犍連。摩訶迦葉。

thường khuyến trợ nhất thiết chuyển Pháp luân 。 Xá lợi Phất Ma-Ha mục kiên liên 。 Ma-ha Ca-diếp 。

thường khuyến khích các đệ tử chuyển Pháp luân, các Ngài như Xá-lợi-phất, Ma-ha-mục-kiên-liên, Ma-ha Ca-diếp.

須菩提。蠡越。羅云。阿難。如是輩聞法皆奉行。

Tu Bồ đề 。 Lẽ việt 。 La vân 。 A Nan 。 như thị bối văn Pháp giai phụng hạnh 。

Tu-bồ-đề, Lẽ-việt, La-vân, A-nan, đều nghe pháp mà phụng hạnh,

猶非是佛之子。爾時諸尊聲聞在大眾中。

do phi thị Phật chi tử 。 nhĩ thời chu tôn thanh văn tại Đại chúng trung 。

do chẳng phải là con của Phật. Bây giờ các Tôn giả Thanh văn ở trong đại chúng nữ 女為說經法。女白王。

nữ vi thuyết Kinh Pháp 。 nữ bạch Vương 。

đều nghe Vô Sầu Ưu thuyết kinh pháp. Vô Sầu Ưu nói: Phụ vương!

過去阿僧祇劫有佛名提和竭羅。時婆羅門女。字須羅陀(漢言鮮潔辯)。

quá khứ a tăng kì kiếp hữu Phật danh đề hòa kiệt la 。 thời Bà-la-môn nữ 。 tự tu la đà (hán ngôn tiên khiết biện)。

Vào thời quá khứ a-tăng-kỳ kiếp có đức Phật hiệu là Đề-hòa-kiệt-la, bây giờ có con gái Bà-la-môn tên là Tu-la-đà (Hán dịch là Tiên-khiết-biện)。

復有婆羅門子。字鞞多衛提和竭羅怛薩阿竭。

phục hữu Bà-la-môn tử 。 tự tỷ đa vệ đề hòa kiệt la đát tát a kiệt 。

lại có người con trai Bà-la-môn tên là Tỷ-đa-vệ, đến nơi Phật Đề-hòa-kiệt-la Như Lai,

時持華五莖散佛上。時賣華女發心願。

thời trì hoa ngũ hạnh tán Phật thượng 。 thời mại hoa nữ phát tâm nguyện 。

và cầm năm trâm cành hoa sen dâng lên cúng dường. Lúc ấy người con gái bán hoa liền phát tâm nguyện

欲世世為夫婦。乃至得佛。復發心求摩訶衍。

dục thế thế vi phu phụ 。 nãi chí vu đắc Phật 。 phục phát tâm cầu Ma-Ha diển 。

muốn đời đời làm vợ chồng với người nam ấy cho đến khi thành Phật; lại phát tâm cầu đạo Đại thừa.

乃爾時過去阿僧祇劫作功德。發願世世相隨。

nãi nhĩ thời quá khứ a tăng kì kiếp tác công đức。 phát nguyện thế thế tương tùy。

Chính là vào thời quá khứ a-tăng-kỳ kiếp đã tạo công đức, phát nguyện đời đời theo nhau,

欲救諸下劣。是故從佛求願。

dục cứu chư hạ liệt 。 thị cố tông Phật cầu nguyện 。

muốn cứu độ mọi người, cho nên theo Phật cầu nguyện

從佛求願終無有空。俱夷者釋種女。

tông Phật cầu nguyện chung vô hữu không 。 câu di giả thích chủng nữ 。

theo Phật cầu nguyện mà trọn không có gì. Câu-di là con gái dòng họ Thích,

大樂發阿耨多羅三藐三菩提。漚和拘舍羅行勸一切菩薩。

Đại lạc phát a nậu đa-la tam miểu tam bồ tâm âu-hòa-câu-xá-la hành khuyến nhất thiết Bồ Tát 。

hoan hỷ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng phương tiện thiện xảo để khuyến hoá hết thầy Bồ-tát

示現有妻子男女奴婢象馬金銀珍寶摩尼珠。

thị hiện hữu thê tử nam nữ nô tì tượng mã kim ngân trân bảo ma-ni châu 。

thì hiện có vợ con tôi tớ voi ngựa vàng bạc châu báu.

所以者何。護九十六種道。不欲使誹謗菩薩。

sở dĩ giả hà . hộ cừ thập lục chủng đạo . bắt dục sử phi báng Bồ Tát .

Tại vì sao? Vì che chở chín mươi sáu thứ ngoại đạo, không muốn họ phi báng Bồ-tát.

非男子王為生黃門。世有何特而言忍勤苦。

phi nam tử vương vi sanh hoàng môn . thế hữu hà đặc nhi ngôn nhẫn cần khổ.

kẻ có khí phi nam mạnh thì dễ sinh hoàng môn, cho nên thế gian sao lại riêng biệt mà nói họ phải cần khổ.

設作是念當墮泥犁中。晝夜苦痛不可言。

thiết tác thị niệm đương đọa nê lê trung . trú dạ khổ thống bất khả ngôn .

Giả sử khởi niệm này sẽ đọa vào ngục Nê-lê, đêm ngày chịu khổ không thể nói hết

菩薩乃從提和竭羅怛薩阿竭阿羅訶三藐三佛以

Bồ Tát nãi tông đề hòa kiệt la đát tát a kiệt a la ha tam miểu tam Phật dĩ

Bồ-tát cho đến Đề-hòa-kiệt-la Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác trở lại

來。菩薩受別無有色思想。女白王。

lai . Bồ Tát thọ biệt vô hữu sắc tu tưởng . nữ bạch Vương .

Bồ-tát thọ riêng tu tưởng Vô hữu sắc, con gái thừa với Vua cha vậy.

爾時婆羅門子鞞多衛。

nhĩ thời Bà-la-môn tử tỳ đa vệ .

Bây giờ con trai Bà-la-môn Tỳ-đa-vệ

從提和竭羅怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。

tông đề hòa kiệt la đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật .

từ nơi Đề-hòa-kiệt-la Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác

得慧明六萬三昧門逮得無盡明恒沙數陀憐尼法。受是別時。

đắc tuệ minh lục vạn tam-muội môn đãi đắc vô tận minh hằng sa số đà liên ni Pháp . thọ thị biệt thời .

mà được trí tuệ sáng suốt, sáu vạn tam-muội, chúng vô tận minh, hằng hà sa số Đà-la-ni pháp, thọ trì pháp này những lúc riêng biệt,

前所願所為盡悉棄除。從得忍有言。羅云是佛之子。

tiền sở nguyện sở vi tận tất khí trừ. tông đắc nhẫn hữu ngôn. la vân thị Phật chi tử .

trước kia phát nguyện và thực hành đều xả bỏ hết. La-vân là con của Phật

從父母胞胎中生者。是為謗如來菩薩。

tông phụ mẫu bào thai trung sanh giả . thị vi báng Như Lai Bồ Tát .

(mà bào) từ bào thai cha mẹ sanh ra, đó là phi báng Như Lai Bồ-tát

於妻子國城不以樂色故。菩薩離愛欲。

ư thê tử quốc thành bất dĩ lạc sắc cố . Bồ Tát ly ái dục .

đối với vợ con quốc thành không cho là vui, Bồ-tát xa lìa ái dục

於世間法無所沾污。女白王。大海中求火尚可得。

ư thế gian Pháp vô sở triêm 汚. nữ bạch Vương . Đại hải trung cầu hỏa thượng khả đắc .

đối với pháp thế gian không có nhiễm ô. Vô Sầu Ưu nói: Phụ Vương, thí như vào biển lớn tìm lửa điều ấy có thể được,

菩薩貪婬瞋恚不可得。王當知是法。

Bồ Tát tham dâm sân khuể bất khả đắc . Vương đương tri thị Pháp .

nhưng Bồ-tát mà tham dục sân giận thì không thể được. Vua phải biết pháp này.

者羅云為化生。不從父母胞胎生。

Tôn giả la vân vi hóa sanh . bất tông phụ mẫu bào thai sanh .

Tôn giả La-vân là hóa sanh, không từ bào thai cha mẹ sanh ra mà từ

所化現皆佛威神。菩薩隨習俗而教化。護一切癡意。

sở hóa hiện giai Phật uy Thần . Bồ Tát tùy tập tục nhi giáo hóa . hộ nhất thiết si ý .

chỗ hóa hiện đều là oai thần của Phật. Bồ-tát tùy thuận thể tục mà giáo hóa, cứu hộ tất cả người ngu si,

如幻現形。一切所作常不離三昧。自現在小兒中。

như huyễn hiện hình . nhất thiết sở tác thường bất ly tam-muội . tự hiện tại tiểu nhi trung .

hiện hình như huyễn hóa, tất cả thường không lìa tam-muội, thị hiện hình trẻ con, 現白衣居士中。

hiện bạch y Cư-sĩ trung .

thị hiện hình cư sĩ,

現菩薩聲聞中天上人中人非人等尊劣長幼下賤伎樂宮女。

hiện Bồ Tát thanh văn trung Thiên thượng nhân trung nhân phi nhân đẳng tôn liệt trường ấu hạ tiện kĩ nhạc cung nữ .

thị hiện Bồ-tát, Thanh văn, Trời, Người, chẳng phải người, hoặc tôn quý hoặc thấp hèn, hoặc kỹ nhạc cung nữ,

酒食隨所欲度而往生。如是所示現處不可計不可數。

từ thực tùy sở dục độ nhi vãng sanh . như thị sở thị hiện xử bất khả kể bất khả số .

hoặc uống rượu ăn thịt, tùy theo chỗ ưa thích mà thị hiện để độ người, như vậy chỗ thị hiện là không thể tính đếm so lường.

眾會中有發心念。

chúng hội trung hữu phát tâm niệm .

Trong hội chúng có người nghĩ rằng

誰為適是但薩阿竭種姓真子者。等知正見不斷三寶。

thùy vi thích thị đất tát a kiết chủng tính chân tử giả . đẳng tri chánh kiến bất đoạn Tam Bảo .

ai là người thích hợp làm con của dòng họ Như Lai, có chánh kiến không hoại diệt Tam bảo,

護七覺意隨所樂而化。是曹之人真佛之子。

hộ thất giác ý tùy sở lạc nhi hóa . thị tào chi nhân chân Phật chi tử .

giữ đạo Thất giác chi, tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà giáo hóa, người ấy chính là con của Phật

若善男子善女人。欲為佛作真子。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân . dục vi Phật tác chân tử .

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn muốn làm người con chơn chánh của Phật

當發阿耨多羅三耶三菩心。說是語時。王後宮列女二十五人。

đương phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm . thuyết thị ngữ thời . Vương hậu cung liệt nữ nhị thập ngũ nhân .

thì phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc Vô Sầu Ưu nói lời ấy xong, trong cung vua có hai mươi lăm người nữ

皆發阿耨多羅三耶三菩心。時千天子。

giai phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm . thời thiên Thiên tử .

đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ có ngàn vị thiên tử

聞女無愁憂師子吼。皆發阿耨多羅三耶三菩心。

văn nữ vô sầu ưu Sư-tử hồng . giai phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm .

nghe Vô Sầu Ưu thực hành hạnh Sư-tử-hồng, cũng đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

同時發聲言。我是當來佛過去佛之上子。

đồng thời phát thanh ngôn . ngã thị đương lai Phật quá khứ Phật chi thượng tử .

đồng nói lời rằng: Ta là con của Phật vị lai, Phật quá khứ.

發心已雨於天華。遍覆羅閱祇大城中。

phát tâm dĩ vũ ư Thiên hoa 。 biến phúc la duyệt kì Đại thành trung 。

Lúc phát tâm rồi thì trời rưới mưa hoa khắp cả nước La-duyệt-kỳ

以供養女無愁憂。時無愁憂於金床下。前趣諸尊聲聞。

dĩ cung dưỡng nữ vô sầu ưu 。

thời vô sầu ưu ư kim sàng hạ 。

tiền thú chư tôn thanh văn 。

để cúng dường Vô Sầu Ưu. Bây giờ Vô Sầu Ưu bước xuống tòa đến trước mặt các Tôn giả Thanh văn

無愁憂女問諸尊聲聞。為曉分衛法不。

vô sầu ưu nữ vấn chư tôn thanh văn 。

vi hiệu phân vệ Pháp phủ 。

rồi hỏi các Tôn giả : Các vị hiệu pháp Phân vệ không

諸尊聲聞。答女言。以曉云何曉。

chư tôn thanh văn 。

đáp nữ ngôn 。

dĩ hiệu vân hà hiệu 。

các Tôn giả Thanh văn hỏi: Phải hiệu thế nào đây?

答曰身有四神從因緣生。常覆蓋順化懼有壞敗。

đáp viết thân hữu tứ Thần tòng nhân duyên sanh 。

thường phúc cái thuận hóa cụ

hữu hoại bại 。

đáp rằng thân có bốn Thần từ nhân duyên sanh, thường che lấp sự thuận hòa e sợ có sự tan rã,

以故當飯食之。是身以飯食得立。無飯食則不得安隱。

dĩ cố đương phạn thực chi 。

thị thân dĩ phạn thực đắc lập 。

vô phạn thực tắc bất

đắc an ổn 。

cho nên thường phải ăn uống, thân này nhờ ăn uống mà tồn tại, không ăn uống thì không được an ổn.

是身譬如弊壞之車。須脂膏而得所安。

thị thân thí như tệ hoại chi xa 。

tu chi cao nhi đắc sở an 。

Thân này cũng như chiếc xe hư hoại, phải bôi dầu mỡ để được an toàn

所以時食欲護身故。不自貢高行乞。不以為色相。

sở dĩ thời thực dục hộ thân cố 。

bất tự cống cao hạnh khát 。

bất dĩ vi sắc tướng 。

cho nên ăn uống là để giúp thân, không tự cống cao mà nên thực hành hạnh khát thực, không vì sắc tướng

不以為貪。亦以欲破貪故。女無愁憂。

bất dĩ vi tham 。

diệc dĩ dục phá tham cố 。

nữ vô sầu ưu 。

không vì tham, cũng vì muốn phá sự tham. Vô Sầu Ưu

聞諸尊聲聞各各說是事。聞所說亦不喜亦不憂。

văn chư tôn thanh văn các các thuyết thị sự 。

văn sở thuyết diệc bất hỉ diệc bất ưu 。

nghe các Tôn giả Thanh văn nói các sự việc rồi, nghe xong cũng không vui không buồn,

如是身為災患勤苦若此。即以時請諸聲聞。

như thị thân vi tai hoạn tinh cần khổ nhọc thử 。

tức dĩ thời thỉnh chư thanh văn 。

như vậy thân là tai họa lao nhọc như đây. Bây giờ Vô Sầu Ưu bèn mời các Thanh văn,

供養以百味飯。具飯食訖。竟皆揖讓。

cung dưỡng dĩ bách vị phạn 。

cụ phạn thực cật 。

cánh giai ấp nhượng 。

nhận sự cúng dường thức ăn của mình. Ăn xong mọi người đều chấp tay

便還耆闍崛山中。聽怛薩阿竭說法。

tiện hoàn Kì đồ Quật sơn trung 。

thính đạt tát a kiệt thuyết Pháp 。

hướng về núi Kỳ-xà-quật để nghe đức Như Lai thuyết Pháp.

我曹亦俱當往無愁憂女。

ngã tào diệc câu đương vãng vô sầu ưu nữ .

Ta cùng nữ Vô Sầu Ưu đang đến đứng hai bên dự hội.

食後與父母兄弟宗親後宮列女群臣人民俱。出城到耆闍崛山中。

thực hậu dĩ phụ mẫu huynh đệ tông thân hậu cung liệt nữ quần Thần nhân dân câu

。 xuất thành đảo Kỳ đồ Quật sơn trung 。

cùng cha mẹ anh em bà con, người hầu trong cung, các quan, nhân dân đều đi đến núi Kỳ-xà-quật

前以頭面著地為佛作禮。遶佛三匝却坐一面。

tiền dĩ đầu diện trú địa vi Phật tác lễ 。 nhiều Phật tam tạp khuốc tọa nhất diện。

rồi cúi đầu xuống đất đánh lễ đức Phật, nhiều quanh Phật ba vòng rồi ngồi qua một bên.

諸尊聲聞從禪覺亦皆悉來。為佛作禮坐一面。

chư tôn thanh văn tòng Thiền giác diệc giai tất lai 。 vi Phật tác lễ tọa nhất diện 。

Các Tôn giả Thanh văn cũng đến làm lễ Phật rồi ngồi qua một bên.

舍利弗從坐起。正衣服下右膝叉手白佛言。

Xá lợi Phật tòng tọa khởi 。 chánh y phục hạ hữu tất xoa thủ bạch Phật ngôn 。

Ngài Xá-lợi-phất từ tòa đứng dậy sửa sang y phục, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

是女無愁憂。所說甚難入深法要。

thị nữ vô sầu ưu 。 sở thuyết thậm nan nhập thâm Pháp yếu 。

Người nữ Vô Sầu Ưu này thuyết giảng thật khó thâm nhập pháp yếu

以權行立人不可勝數。所問種種悉能報答。

dĩ quyền hạnh lập nhân bất khả thắng số 。 sở vấn chủng chủng tất năng báo đáp 。

佛告舍利弗是女無愁憂。以供養九十二億佛。

Phật cáo Xá lợi Phật thị nữ vô sầu ưu 。 dĩ cung dưỡng cửu thập nhị ức Phật 。

Phật bảo Xá-lợi-phất: Vô Sầu Ưu này đã từng cúng dường chín mươi hai ức đức Phật,

作功德常不離漚愁拘舍羅。舍利弗白佛。

tác công đức thường bất ly ầu hòa câu xá la 。 Xá lợi Phật bạch Phật 。

làm các công đức không bao giờ rời các phương tiện thiện xảo. Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

是女何故不棄女人。佛告舍利弗。

thị nữ hà cố bất khí nữ nhân 。 Phật cáo Xá lợi Phật 。

Tại sao Vô Sầu Ưu không xả bỏ thân người nữ? Phật dạy:

若諸聲聞謂此無愁憂是女人耶。

nhược chư thanh văn vị thử vô sầu ưu thị nữ nhân da 。

Chúng Thanh văn đều cho rằng Vô Sầu Ưu là người nữ chẳng?

若等不深入般若波羅蜜不見人根觀本迹。然便等視於所行。

nhược đẳng bất thâm nhập bát nhã ba la mật bất kiến nhân căn quán bản tích 。

nhiên tiện đẳng thị ư sở hạnh 。

Nếu các ông không thâm nhập Bát-nhã-ba-la-mật thì không thấy được gốc tích của con người, mà chỉ nhìn nơi việc làm bên ngoài.

菩薩諮所樂喜以權道示現。有男女其限無所罣礙。

Bồ Tát ti sở lạc hi dĩ quyền đạo thị hiện 。 hữu nam nữ kỳ hạn vô sở quái ngại 。



Bồ-tát là tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà thị hiện, làm thân nam hay nữ đều không chướng ngại,  
 欲度男女故。無愁憂女欲決舍利弗之狐疑。  
 dục độ nam nữ cố . vô sầu ưu nữ dục quyết Xá lợi Phát chi hồ nghi .  
 vì muốn độ chúng sanh vậy. Vô Sầu Ưu muốn giải thích sự nghi ngờ của Xá-lợi-phát  
 現身立願。使大眾中悉見我是男子。  
 hiện thân lập nguyện . sử Đại chúng trung tất kiến ngã thị nam tử .  
 nên hiện thân lập nguyện, khiến đại chúng đều thấy thân người nam  
 作是念已。  
 tác thị niệm dĩ .  
 vừa khởi niệm xong  
 即諸大眾見無愁憂身為男子不復見女人像。無愁憂於時踊在虛空中。  
 tức chư Đại chúng kiến vô sầu ưu thân vi nam tử bất phục kiến nữ nhân tượng . vô  
 sầu ưu ư thời dũng tại hư không trung .  
 thì đại chúng đều thấy Vô Sầu Ưu trở thành tướng người nam. Bấy giờ Vô Sầu Ưu  
 liền vọt lên giữa hư không  
 去地七十丈住止空中。佛告舍利弗。  
 khứ địa thất thập trượng trụ chi không trung . Phật cáo Xá lợi Phát .  
 cách đất mười bảy trượng rồi đứng giữa hư không. Phật bảo Xá-lợi-phát:  
 見是無愁憂為男子踊在虛空中去地七十丈。若見不。  
 kiến thị vô sầu ưu vi nam tử dũng tại hư không trung khứ địa thất thập trượng .  
 nhược kiến bất .  
 Ông có thấy Vô Sầu Ưu biến thành thân nam và đứng giữa hư không cách đất mười  
 bảy trượng chăng?  
 舍利弗白佛。唯然已見。佛告舍利弗。是無愁憂。  
 Xá lợi Phát bạch Phật . duy nhiên dĩ kiến. Phật cáo Xá lợi Phát . thị vô sầu ưu.  
 Xá-lợi-phát bạch Phật: Dạ vâng đã thấy, Phật bảo Xá-lợi-phát: Vô Sầu Ưu này  
 却後七百阿僧祇劫當作佛。  
 khước hậu thất bách a tăng kì kiếp đương tác Phật .  
 đời sau qua bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật  
 佛名鞞竭俞 (漢言離愁) 怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。  
 Phật danh tỳ kiệt du (hán ngôn ly sầu )đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật .  
 hiệu là Tỳ-kiệt-du (Hán dịch là Ly-sầu) Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác;  
 刹名鞞末拘遼害 (漢言無垢濁光炎)。其壽十萬劫。佛般泥洹後。  
 sát danh tỳ mạt câu liêu hại (hán ngôn vô cấu trược quang viêm ) . kỳ thọ thập  
 vạn kiếp . Phật bát nê hoàn hậu .  
 cõi nước tên là Tỳ-mạt-câu-liêu-hại (Hán dịch là Vô-cấu-trược-quang-viêm). Phật  
 ấy thọ mười vạn kiếp, sau khi Niết-bàn,  
 經法留止十劫不斷絕。是刹中地皆如細瑠璃。  
 Kinh Pháp lưu chỉ thập kiếp bất đoạn tuyệt. thị sát trung địa giai như tế lưu ly  
 thì giáo pháp trụ ở đời mười kiếp không đoạn tuyệt. Đất trong cõi ấy đều như lưu  
 ly.  
 其刹土八方方有一道。是佛所遊行處。  
 kỳ sát độ bát phương phương hữu nhất đạo . thị Phật sở du hạnh xứ  
 Cõi nước ấy, tám phương hướng đều có một đường, là nơi Phật du hành.  
 以七寶為樹。以眾寶為欄楯。以天繒為華蓋。  
 dĩ thất bảo vi thụ . dĩ chúng bảo vi lan thuẫn . dĩ Thiên tăng vi hoa cái .  
 Cõi ấy có cây bằng bảy báu, lang can cũng làm các thứ báu, có lụa trời làm phan  
 lọng,  
 以名香而香之。無穢惡石沙瓦礫。  
 dĩ danh hương nhi hương chi . vô uế ác thạch sa ngõa lịch .

đủ các hương thơm, không có ngói gạch các đá dơ bẩn

純以珠寶為萬物。剎中無有泥犁禽獸薜荔。

thuần dĩ châu bảo vi vạn vật . sát trung vô hữu nê lê cầm thú bệ荔。

mà mọi vật đều làm bằng châu báu, trong nước không có súc sanh địa ngục

但有菩薩及天與人。譬如忉利天王所居宮。

đãn hữu Bồ Tát cập Thiên dữ nhân . thí như đao lợi Thiên Vương sở cư cung .

mà chỉ có Bồ-tát và trời người, như ở cung Đao-lợi cõi trời

爾時大眾及王阿闍貴歡喜踊躍皆言善哉善哉。

nhĩ thời Đại chúng cập Vương a xà thế hoan hỷ dũng dục giai ngôn Thiện tai  
Thiện tai .

Lúc bấy giờ Đại chúng và Vua A-xà-thế đều hoan hỷ nói rằng: Hay thay, hay thay,  
王阿闍貴正殿夫人。字旃羅盧(漢言月明照)。

Wương a xà thế chánh điện phu nhân. tự chiên la cấp( hán ngôn nguyệt minh  
chiếu)。

phu nhân của vua A-xa-thế tên là Chiên-la-cấp (Hán dịch là Nguyệt-minh-chiếu)

於坐起叉手自嗟歎心。白佛言。既得為人難我復懷養。

ư tọa khởi xoa thủ tự ta thán tâm . bạch Phật ngôn . ký đắc vi nhân nan ngã phục  
hoài dưỡng .

từ chỗ ngồi đứng dạy chấp tay tự khen ngợi trong tâm rồi bạch Phật rằng: Được  
làm thân người là khó, con lại nuôi dưỡng

是菩薩益倍踊躍。

thị Bồ Tát ích bội dũng dục .

Bồ-tát này thì càng thêm vui mừng.

因是功德發心求阿耨多羅三耶三佛。發心立願。今佛授無愁憂菩薩慧。

nhân thị công đức phát tâm cầu a nậu đa-la tam da tam Phật . phát tâm lập nguyện  
. kim Phật thụ vô sầu ưu Bồ Tát tuệ .

Do công đức này mà phát tâm cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Phật  
thọ ký cho Bồ-tát Vô Sầu Ưu

却後當作佛劫盡。

khước hậu đương tác Phật kiếp tận .

về sau sẽ thành Phật,

願令我乘其第得作佛於彼剎土中。爾時佛知王婦月明心所願。

nguyện lệnh ngã thừa kỳ đệ đắc tác Phật ư bỉ sát độ trung . nhĩ thời Phật tri  
Wương phụ nguyệt minh tâm sở nguyện .

con nguyện cũng được làm Phật nơi cõi kia. Lúc bấy giờ Phật biết tâm nguyện của  
Nguyệt minh phu nhân

佛告舍利弗。見王婦月明不。舍利弗言。

Phật cáo Xá lợi Phất . kiến Vương phụ nguyệt minh bất . Xá lợi Phất ngôn .

và bảo Xá-lợi-phất: Ông thấy Nguyệt minh phu nhân chẳng? Xá-lợi-phất thưa:

見王婦月明。持是功德所作。當棄女人身得男子已。

kiến Vương phụ nguyệt minh . trì thị công đức sở tác . đương khí nữ nhân thân  
đắc nam tử dĩ .

Con thấy Nguyệt minh phu nhân. Phật dạy: Do phu nhân đã tạo công đức, nên sau  
khi xả bỏ thân nữ sẽ làm thân người nam,

當生忉利天上作天名寶第一。

đương sanh đao lợi Thiên thượng tác Thiên danh bảo đệ nhất .

sẽ sanh về cõi trời Đao-lợi làm chư thiên tên là Bảo đệ nhất,

彌勒佛來下有國王。名呵當為作太子。字終好。

Di lạc Phật lai hạ hữu Quốc Vương . danh ha đương vi tác Thái-Tử . tự chung hảo .  
đến lúc Di-lạc thành Phật thì sẽ hạ sanh nơi cõi nước vua Ha-đương, làm vị thái  
tử tên là Chung hảo

當供養彌勒盡壽命。却後當為彌勒作沙門。

đương cung dưỡng Di Lạc tận thọ mạng 。 khước hậu đương vi Di Lạc tác Sa Môn 。  
sẽ cúng dường Phật Di-lặc cho đến khi mạng chung, sau đó theo Phật Di-lặc làm vị Sa-môn,

上法亦持中法亦持下法亦持。

thượng Pháp diệc trì trung Pháp diệc trì hạ Pháp diệc trì 。

thọ trì các pháp thượng trung hạ

總供養是毘陀劫中怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

tổng cung dưỡng thị bạt đà kiếp trung đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật 。

cúng dường đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri nơi Hiền kiếp.

又行菩薩法。是離愁怛薩阿竭得作佛已。寶第一。

hựu hạnh Bồ Tát Pháp 。

thị ly sầu đất tát a kiết đắc tác Phật dĩ 。

當於是剎作遮迦越王。名寶豐。

đương ư thị sát tác già ca việt Vương 。

sẽ ở cõi nước ấy làm vua Già-ca-việt tên là Bảo phong,

當供養承事怛薩阿竭。盡形壽當承其佛第得作佛。

đương cung dưỡng thừa sự đất tát a kiết。 tận hình thọ đương thừa kỳ Phật đệ đắc tác Phật 。

sẽ cúng dường phụng sự đức Như Lai, sau đó sẽ thành Phật

名普明怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

danh phổ minh đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật 。

hiệu là Phổ-Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác

當教授是無垢濁炎明刹土本刹故。

đương giáo thọ thị vô cầu trực viêm minh sát độ bản sát cố 。

sẽ giáo hóa cõi nước Vô-cầu-trực-viên,

事如離憂怛薩阿竭所治處等無有異。王婦月明。聞佛說是別。

sự như ly ưu đất tát a kiết sở trì xử đẳng vô hữu dị。 Vương phụ nguyệt minh văn Phật thuyết thị biệt 。

như Ly sầu Như lai không có sai khác。 Phu nhân Nguyệt minh nghe Phật thọ ký rồi  
益倍踊躍自嗟歎。

ích bội dũng dục tự ta thán 。

càng thêm vui mừng

其身以珠摩尼直百萬兩金用上佛。從王阿闍賈。求持五戒別治一處。

kỳ thân dĩ châu ma-ni trực bách vạn lượng kim dụng thượng Phật 。

liền lấy hạt châu ma-ni trên thân giá trị trăm ngàn vạn lượng để dâng cúng đức Phật , rồi xin vua A-xa-thế ở riêng một nơi để thọ trì năm giới,

離婬欲之行。令一切皆修清淨。

ly dâm dục chi hạnh 。

xa lìa dâm dục khiến tất cả đều thanh tịnh。

無愁憂菩薩。始從虛空中來下。叉手住佛前。

vô sầu ưu Bồ Tát 。

Bồ-tát Vô Sầu Ưu từ hư không xuống đến trước Phật chấp tay thưa rằng:

願我作佛時令我剎中諸菩薩。自然化生長大法座。

nguyện ngã tác Phật thời lệnh ngã sát trung chư Bồ Tát 。

trường Đại Pháp tọa 。

Nguyện khi con thành Phật, các Bồ-tát trong nước của con tự nhiên hóa sanh nơi  
Pháp tòa to lớn,

袈裟自然著身等無老少。如年二十之容色。

ca sa tự nhiên trú thân đấng vô lão thiếu . như niên nhị thập chi dung sắc .  
trên thân tự nhiên có ca-sa đắp, tất cả đều có dung mạo như người hai mươi tuổi  
không có già trẻ.

今自願身為沙門。自然被法衣。

kim tự nguyện thân vi Sa Môn . tự nhiên bị Pháp y .

Nay phát nguyện tự thân làm bậc Sa-môn đắp Pháp y.

尋時作彼示現。無愁憂菩薩白王。

tầm thời tác bi thị hiện . vô sầu ưu Bồ Tát bạch Vương .

Ngay khi ấy Vô Sầu Ưu thị hiện như nguyện, Bồ-tát Vô Sầu Ưu nói: Phụ vương,

法無堅固從空而立從空而坐。於念不念於中立意不散。

Pháp vô kiên cố tòng không nhi lập tòng không nhi tọa . u niệm bất niệm u trung  
lập ý bất tán .

pháp vốn không kiên cố, từ nơi không mà đứng, từ nơi không mà ngồi, đối với niệm  
và không niệm trong ấy lập ý không tán hoại

無所錄在所作為無所屬。王見是不。

vô sở lục tại sở tác vi vô sở chúc . Vương kiến thị bất .

không có chỗ ghi chép, chỗ làm không có phụ thuộc, vua thấy đùng không?

是一日之中我為女人變為男子形。復現比丘僧。

thị nhất nhật chi trung ngã vi nữ nhân biến vi nam tử hình. phục hiện bi khâu  
tăng.

trong ngày nay tôi là người nữ biến thành thân nam, lại hiện tướng Tỳ-kheo Tăng,  
何者審為諦。是處餘處人身中有三毒。

hà giả thâm vi đế . thị xử du xử nhân thân trung hữu tam độc .

người nào xét rõ chỗ này hay chỗ kia trong thân người có tham sân si,

以三藥療焦盡諸毒。知是法故。大王不當作非法行。

dĩ tam dược liệu tiêu tận chư độc . tri thị Pháp cố . Đại Vương bất đương tác  
phi Pháp hạnh .

rồi dùng ba thứ thuốc để tiêu diệt ba độc, đó là do biết pháp vậy. Đại vương  
không từng làm các việc phi pháp,

當數數詣佛。文殊師利童男菩薩。

đương số số nghê Phật . Văn Thù Sư Lợi đồng nam Bồ Tát .

mà nhiều lần đến chỗ Phật. Bồ-tát Văn-Thù-Sư-Lợi

所能除人垢增益功德。度不度者。王國中多事欲去隨意。

sở năng trừ nhân cấu tăng ích công đức . độ bất độ giả . Vương quốc trung đa sự  
dục khứ tùy ý .

có thể trừ cấu uế cho người và làm tăng trưởng công đức, độ người khó độ, vua  
trong nước ấy rất nhiều việc muốn đi cũng được như ý.

佛告阿難。無愁憂菩薩受別解諦能持能說。

Phật cáo A Nan . vô sầu ưu Bồ Tát thọ biệt giải đế năng trì năng thuyết .

Phật bảo A-nan: Bồ-tát Vô Sầu Ưu đã hiểu rõ chân lý, có thể nắm giữ có thể  
thuyết giảng,

當為一切廣說經法。

đương vi nhất thiết quảng thuyết Kinh Pháp .

sẽ vì tất cả mọi người mà rộng thuyết kinh pháp.

若有善男子善女人欲求佛道。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục cầu Phật đạo .

Nếu có thiện nam tử thiện nữ nơn muốn cầu Phật đạo,

正使是三千大千刹土持七寶滿其中。持施怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

chánh sử thị tam thiên Đại Thiên sát độ trì thất bảo mãn kỳ trung . trì thí đất  
tát a kiết a la ha tam da tam Phật .

giả sử đem bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên cõi nước dâng lên đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác,

不如聞是經信不誹謗其功德不可計。

bất như văn thị Kinh tín bất phi báng kỳ công đức bất khả kể 。

cũng không bằng nghe kinh này tin hiểu không hủy báng, công đức không thể tính đếm,

何況奉行盡形壽。供養繒華幢蓋旗幡。

hà huống phụng hạnh tận hình thọ 。

huống là phụng hạnh đến trọn đời, cúng dường hoa hương phan lọng

其功德無能計數者。諸比丘受教。無愁憂菩薩歡喜。

kỳ công đức vô năng kể số giả 。

王阿闍貫。王婦月明。阿難尊比丘。

Vương a xà thế 。

Vua A-xà-thế, phu nhân Nguyệt minh, Tôn giả A-nan,

一切大眾諸天龍神阿須倫。聞佛說經皆歡喜。前以頭面著地。

nhất thiết Đại chúng chư Thiên long Thần a tu luân 。

tất cả Đại chúng, Trời, Rồng, A-tu-la, nghe Phật thuyết kinh đều hoan hỷ, cùng cúi xuống đất

為佛作禮而去。

vi Phật tác lễ nhi khứ 。

làm lễ Phật rồi lui ra.

佛說阿闍貫王女阿術達菩薩經

Phật thuyết a xà thế Vương nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh

Phật thuyết A-xà-thế vương nữ A-thuật-đạt Bồ-tát kinh.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch  
Sun Apr 30 21:50:55 2006

=====